

LINH LỰC DO CẦU



E.M. BOUNDS

Khi đọc hết câu cuối cùng, tôi cảm thấy mình hiểu biết sự cầu nguyện nhiều hơn khi mới bắt đầu đọc; còn điều quý hơn nữa, là tôi cảm thấy được thúc giục mạnh mẽ mà cầu nguyện. Mỗi trang giấy rung động vì cơ trái tim và trí óc của một người biết cầu nguyện, quen những ai đã biết cầu nguyện, và nóng lòng mong ước nhiều kẻ khác sẽ biết cầu nguyện.

Tân Sĩ A.C. DIXON

LỜI NGƯỜI XUẤT BẢN (1)

Sa sút là dấu hiệu đáng buồn của thời đại chúng ta đang sống đây. Trong giới kỹ nghệ và thương mại cũng như trong giới thiêng liêng, lòng người ta sòn ngã vì sợ hãi, và một luồng bi quan ngấm ngấm lan tràn như ung độc qua mọi ngành của cuộc sanh hoạt quốc gia.

Trong một thời kỳ như vậy, chúng ta phải tự nhắc nhở rằng Đức Chúa Trời không chết; Đấng “hôm qua, ngày nay, và cho đến đời đời vẫn y nguyên” (Hê-bơ-rơ 13:8) vẫn còn ngự trên ngai thế lực và quyền phép, vẫn sẵn sàng và mong muốn, như mọi khi, được đến cứu giúp dân Ngài trong thì giờ họ túng ngặt kinh khủng hơn hết. Nếu chúng ta lần giờ những trang sử, hoặc trần tục hay tôn giáo, thì sẽ thấy lặp đi lặp lại lời quả quyết khích lệ rằng nếu chúng ta kêu cầu Đức Chúa Trời, thì Ngài sẽ đáp lại. Để thử nghiệm Ngài một lần nữa, chúng tôi xin phát hành bài khăn cấp kêu gọi chúng ta quỳ gối xuống này như là một bản hiệu triệu toàn quốc Cầu Nguyện.

Chỗ cầu nguyện là chỗ đắc thắng. Thực sự đó được nêu cao chói lọi trong mỗi trang sử ký Hội Thánh. Có lẽ chúng ta đã quên Chúa, nhưng vì có lòng thương xót và yêu mến, nên Ngài vẫn nhớ và chờ thì ân cho chúng ta.

Quyển sách này in đẹp đẽ và bán rẽ tiền để có thể lưu hành hết sức rộng rãi và dùng làm tiếng kèn kêu gọi cả Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Cách đây mấy năm, nó đã được xuất bản nhiều lần. Theo như cô Tấn Sĩ A.C. Dixon đã viết trong lời tựa hào hứng của bản in đầu tiên, thì “mỗi trang giấy rung động vì có trái tim và trí óc của một người biết cầu nguyện, quen những ai đã biết cầu nguyện, và nóng lòng mong ước nhiều kẻ khác sẽ biết cầu nguyện”.

Trong đoạn kết luận, chính tác giả nói rằng: “Vị ân nhân lớn nhất của thời đại này chính là người có thể đem các ông Truyền Đạo và Hội Thánh ta quay về cầu nguyện”. Đó là hy vọng của Hội Thánh và của thế gian trong một thời kỳ tối tăm hơn hết, mà cả hai, trải biết từ bao nhiêu thế hệ nay. Đức Chúa Trời nghe và Đức Chúa Trời đáp lại. Mỗi người chúng ta hãy đồn vang tin tức vui mừng này!

Và chúng ta hãy cầu nguyện!

(1) Đây là lời của người ấn hành bản nguyên văn tiếng Anh của sách “Linh Lực Do Cầu”.

MỤC LỤC

	Trang
Chương thứ nhất: Cần có những người cầu nguyện	9
Chương thứ hai: Sự đầy đủ của chúng tôi đến từ Đức Chúa Trời	14
Chương thứ ba: Văn tự làm cho chết	17
Chương thứ tư: Những khuynh hướng cần phải tránh khỏi	21
Chương thứ năm: Cầu nguyện là điều tối cần thiết	25
Chương thứ sáu: Một chức vụ cầu nguyện có kết quả	29
Chương thứ bảy: Phải biệt riêng nhiều thì giờ cho sự cầu nguyện	32
Chương thứ tám: Tấm gương của những người cầu nguyện	35
Chương thứ chín: Bước vào một ngày với sự cầu nguyện	38
Chương thứ mười: Cầu nguyện và thực hành tin kính liên hiệp với nhau	41
Chương thứ mười một: Một tấm gương tin kính	45
Chương thứ mười hai: Cần phải dự bị tấm lòng	49
Chương thứ mười ba: Ân Điển do tấm lòng, chớ không do đầu óc	53
Chương thứ mười bốn: Sự xúc dầu là cần thiết	55
Chương thứ mười lăm: Sự xúc dầu là đặc sắc của chức vụ	58
Chương thứ mười sáu: Cầu nguyện nhiều là giá phải trả để được xúc dầu	62
Chương thứ mười bảy: Sự cầu nguyện là đặc điểm của bậc thủ lãnh thiêng liêng	66
Chương thứ mười tám: Ông Truyền Đạo cần được Tín đồ cầu nguyện cho	71
Chương thứ mười chín: Sự quyết định là cần thiết để được những kết quả lớn lao nhất do sự cầu nguyện	75
Chương thứ hai mươi: Ông Truyền Đạo hay cầu nguyện sẽ sanh ra Hội chúng hay cầu nguyện	80

CHƯƠNG THỨ NHỨT

CẦN CÓ NHỮNG NGƯỜI CẦU NGUYỆN

Hãy suy xét sự thánh khiết toàn diện của đời sống. Ông hữu ích chính là nhờ đó cả, vì bài giảng của ông chỉ lâu một, hai giờ, nhưng đời sống của ông giảng suốt cả tuần lễ. Nếu qui Sa-tan có thể khiến ông thành một Mục Sư tham tiền, một người thích được ngợi khen, vui chơi và ăn ngon, thì nó đã hủy phá chức vụ của ông rồi. Ông hãy dâng mình cho sự cầu nguyện, hãy nhận lấy các câu gốc, ý nghĩ và lời nói từ nơi Đức Chúa Trời. Luther ngày xưa đã biệt riêng ba giờ tốt nhất trong mỗi ngày để cầu nguyện.

ROBERT MURRAY McCHEYNE

Chúng ta luôn luôn cố sức — Nếu không phải là quá sức — tìm ra những phương pháp mới, những kế hoạch mới, những tổ chức mới, để làm cho Hội Thánh được tấn bộ, cho Đạo Tin Lành chắc chắn được mở mang và có hiệu lực. Khuynh hướng ấy của thời đại này có vẻ không nhìn thấy con người, hoặc làm cho con người chìm mất trong kế hoạch hay là sự tổ chức.

Những kế hoạch của Đức Chúa Trời là triệt để sử dụng con người, là dùng họ bội phần hơn bất cứ điều chi khác. Người ta là phương pháp của Đức Chúa Trời. Hội Thánh đang tìm kiếm những phương pháp tốt hơn, nhưng Đức Chúa Trời đang tìm kiếm những người tốt hơn. “Có một người Đức Chúa Trời sai đến, tên là Giăng” (Giăng 1:6). Thời kỳ đi trước và dọn đường cho Đấng Christ đã qui tóm trong ông Giăng đó. “Có một Con Trè sanh cho chúng ta, tức là một Con Trai ban cho chúng ta” (Ê-sai 9:5). Sự cứu rỗi thế gian do Con Trai nằm trong nôi đó mà ra. Khi Phao-lô nhắc đến tâm tánh cá nhơn của những người làm cho Đạo Tin Lành đâm rễ trong thế gian, thì ông đã tỏ rõ bí quyết thành công của họ. Tin Lành có vinh quang và hiệu lực hay không tùy ở những người rao truyền nó. Khi Đức Chúa Trời tuyên bố: “Con mắt của Đức Giê-hô-va soi xét khắp thế gian để giúp sức cho kẻ nào có lòng trọn thành đối với Ngài” (II Sử 16:9), thì Ngài tuyên bố rằng người là cần yếu, và Ngài phải nhờ cậy họ làm môi giới để thi hành quyền phép của Ngài trên thế gian. Cái chơn lý tối trọng và cấp bách đó là chơn lý

mà thời đại máy móc này dễ lãng quên. Đối với công việc Đức Chúa Trời, sự lãng quên này cũng tai hại y như cát bỏ mặt trời ra khỏi khu vực của nó. Sự tối tăm, lộn xộn và sự chết theo sau.

Cái điều Hội Thánh cần dùng ngày nay không chỉ là máy móc, (hoặc hơn điều đó nữa là: Tổ chức mới và phương pháp mới) mà là những người Đức Thánh Linh có thể dùng, đó là những người hay cầu nguyện, người có quyền năng khi cầu nguyện. Đức Thánh Linh không tràn qua phương pháp, nhưng tràn qua người. Ngài không giảng trên máy móc, nhưng giảng trên người. Ngài không xúc dầu cho kế hoạch, nhưng xúc dầu cho người - Người hay cầu nguyện.

Một nhà chép sử đại tài nói rằng các biến cố của tâm tánh cá nhân có ảnh hưởng với những cuộc cách mạng dân tộc nhiều hơn là các sử giả thiên về triết lý hoặc chánh khách dân chủ. Điều này được áp dụng hoàn toàn cho Tin Lành của Đấng Christ: Tâm tánh và hành vi của các môn đồ Đấng Christ, Cơ-Đốc hóa (Christianiser) thế gian, biến cải các dân tộc và cá nhân. Đối với những người rao giảng Tin Lành thì đúng cực điểm.

Tánh chất cũng như số mạng của Tin Lành đều đã giao phó cho ông Truyền Đạo, ông tạo nên hoặc làm hồng sứ điệp (message) của Đức Chúa Trời truyền cho loài người. Ông Truyền Đạo là cái ống dẫn bằng vàng mà dầu của Đức Chúa Trời chảy qua. Ông dẫn chẳng những phải bằng vàng, song cũng phải thông và không nút rạn, để dầu có thể chảy tràn, không bị ngăn trở và không bị phí mất.

Người ta đào tạo ông Truyền Đạo, Đức chúa Trời phải đào tạo người ta. Nếu có thể được, sứ giả phải trởi hơn sứ điệp ông truyền ra. Ông Truyền Đạo trởi hơn bài giảng, ông Truyền Đạo làm ra bài giảng. Sữa nuôi mạng sống em bé từ vú mẹ tiết ra là do sự sống của mẹ; Thi cũng một thể ấy, mọi lời ông Truyền Đạo nói đều nhuộm thấm tư cách của ông ấy. Dầu thơm bấu đựng trong bình bằng đất, mùi của bình đất có thể làm phai mùi của dầu. Con người, tất cả con người ở đằng sau bài giảng. Giảng không phải là công tác trong một giờ; nó chính là sự sống tràn ra. Phải hai mươi năm mới đào tạo được con người. Bài giảng chơn chánh là một phần của sự sống.

Bài giảng lớn lên vì con người lớn lên. Bài giảng mạnh mẽ vì con người mạnh mẽ. Bài giảng thánh vì con người thánh. Bài giảng đầy đầy sự xúc động của Đức Chúa Trời, vì con người đầy đầy sự xúc động của Đức Chúa Trời.

Phao-lô gọi Tin Lành là “Tin Lành của ta” (II Ti-mô-thê 2:8) không phải là ông đã giảm giá trị của Tin Lành vì những tách quái dị riêng của mình, hoặc làm sai đường nó vì có mạo nhận ích kỷ. Nhưng Tin Lành đã đặt vào tâm lòng và huyết sống của con người Phao-lô như là một nhiệm vụ cá nhân phải được thi hành nhờ các đặc tánh của ông, phải bùng cháy và có quyền phép nhờ năng lực nhiệt thành trong linh hồn nhiệt thành của ông. Các bài giảng của Phao-lô là gì và bây giờ ở đâu? Là những bộ xương, những mảnh tan tác nổi trên mặt biển linh cảm! Nhưng con người Phao-lô vốn trọng đại hơn các bài giảng của ông, cứ sống mãi mãi, có trọn hình thể, đặc tánh và vóc giạc, và bàn tay ông vẫn nắm đúc Hội Thánh. Giảng chỉ là một tiếng nói. Tiếng nói chết trong yên lặng, câu gốc bị lãng quên, bài giảng phai mờ trong trí nhớ, nhưng ông Truyền Đạo vẫn sống.

Bài giảng không thể có năng lực truyền sự sống hơn con người. Người chết thì giảng bài chết, và bài giảng chết sẽ giết linh hồn. Mọi sự đều thuộc tâm tánh thiêng liêng của ông Truyền Đạo. Trong thời kỳ đạo Giu-đa, trên bảng đeo ngực bằng vàng của thầy tế lễ Thượng Phẩm có nạm chữ bằng ngọc rằng: “Thánh cho Đức Giê-hô-va” (Xuất 28:36). Cũng một thể ấy, mỗi ông Truyền Đạo hầu việc Đấng Christ phải nắm đúc theo khẩu hiệu ấy và bị trị phục bởi khẩu hiệu ấy. Nếu chức vụ hầu việc Đấng Christ lại kém chức vụ thầy tế lễ Giu-đa về tâm tánh thánh khiết và mục đích thánh khiết thì đáng hổ thẹn biết bao! Ông Jonathan Edward nói rằng: “Tôi cứ sốt sắng theo đuổi cho được thánh khiết hơn và giống như Đấng Christ hơn. Thiên đàng mà tôi mong ước chính là một thiên đàng của sự thánh khiết”. Tin Lành của Đấng Christ không chuyển động nhờ những luồng sóng hăm mộ của dân chúng. Nó là một quyền phép tự lan tràn ra. Nó chuyển động theo cái mục những người phụ trách nó chuyển động. Ông Truyền Đạo phải là hiện thân của Tin Lành. Các đặc sắc Thiên Thượng và rất rõ rệt của Tin Lành phải thành hình trong ông. Quyền phép ép buộc của lòng yêu thương phải ở trong ông Truyền Đạo như là một năng lực nổi bật

lên, kỳ lạ, quản trị mọi sự và tự quên mình đi. Sức mạnh của sự từ bỏ mình phải là toàn thân, tâm hồn, máu và xương của ông. Ông phải ra đi như một người ở giữa loài người, mặc lấy sự khiêm nhường, ở trong sự nhu mì, khôn ngoan như con rắn và hiền lành như chim bồ câu; ông phải mang xiềng xích của một tên tội mọi cùng với tinh thần của một đế vương; Vừa cao quý, vừa độc lập, nhưng đồng thời phải có sự đơn sơ, dịu dàng như con trẻ. Ông Truyền Đạo phải xông vào công việc cứu rỗi loài người với một đức tin trọn vẹn, tự bỏ mình đi, tự trút mình ra, và với một lòng sốt sắng tự tiêu hao mình. Những ai nắm giữ và đào tạo một thể hệ cho Đức Chúa Trời, thì phải là những thánh tử đạo tận tâm, anh dũng, đầy lòng thương xót và chẳng sợ hãi gì. Nếu họ nhút nhát, a dua theo phong trào, tìm kiếm địa vị, nếu họ muốn làm đẹp lòng người ta hoặc sợ hãi người ta, nếu đức tin của họ chỉ nắm lấy Đức Chúa Trời hoặc Lời Ngài một cách yếu ớt, nếu sự từ bỏ mình của họ bị gián đoạn vì bốn ngã hoặc thế gian xen vào, thì họ không thể nào nắm giữ Hội Thánh hoặc thế gian cho Đức Chúa Trời được.

Lời giảng sâu sắc và mạnh mẽ nhất của ông Truyền Đạo chính là lời ông tự giảng cho mình. Công việc khó khăn, tế nhị, nhọc nhằn và trọn vẹn hơn hết của ông phải là công việc ông đối xử với chính mình. Công việc lớn lao, khó khăn và lâu bền của Đấng Christ chính là sự đào luyện mười hai Sứ Đồ. Ông Truyền Đạo không phải là kẻ soạn bài giảng, nhưng là kẻ đào tạo người, và đào tạo các thánh đồ. Ai đã tự đào tạo nên một người và một thánh đồ rồi, thì mới là được huấn luyện đầy đủ để làm công việc này. Đức Chúa Trời không cần những tài năng lớn lao, hoặc học thức uyên thâm, hoặc nhà Truyền Đạo trứ danh; nhưng Ngài cần những người có sự thánh khiết lớn lao, đức tin lớn lao, lòng yêu thương lớn lao, sự trung tín lớn lao, cần những bậc vĩ nhân sống vì Đức Chúa Trời, cần những người luôn luôn giảng những bài thánh khiết ở trên tòa giảng. Những người này có thể nắn đúc một thể hệ cho Đức Chúa Trời.

Các tín đồ đầu tiên đã được đào tạo theo môn phái đó. Họ là những người được nắn đúc vững chắc, là những ông Truyền Đạo theo kiểu Thiên Thượng: Anh hùng, can đảm, hiếu chiến, thánh khiết. Đối với họ, giảng tức là công việc của người tử đạo: Phải từ bỏ mình, tự đóng đinh vào Thập Tự Giá, nghiêm nghị, khó nhọc. Họ hiến thân cho công việc ấy một cách có ảnh hưởng đến thể hệ của

họ và đào tạo trong thế hệ đó một thế hệ chưa sanh ra cho Đức Chúa Trời. Người Truyền Đạo phải là người cầu nguyện. Chính sự cầu nguyện là một sức mạnh toàn năng, nên nó truyền ra sức mạnh và sự sống cho mọi người.

Bài giảng chơn chánh phải soạn (1) trong phòng riêng (tức là nơi cầu nguyện riêng). Con người - Người của Đức Chúa Trời - được tạo nên trong phòng riêng. Đời sống và các tín niệm (convictions) của ông sanh ra từ sự thông công kín nhiệm với Đức Chúa Trời. Nhờ lúc ở một mình với Đức Chúa Trời mà tâm linh ông thông thiết đến nỗi gánh nặng, tuôn tràn dòng lệ, và ông có được những lời rao truyền vừa mạnh mẽ hơn hết, vừa dịu dàng hơn hết. Sự cầu nguyện tạo nên con người, tạo nên ông Truyền Đạo, tạo nên ông Mục Sư.

Tòa giảng (2) ngày nay yếu ớt về phương diện cầu nguyện. Sự kiêu căng vì học thức chống lại tinh thần khiêm nhường là nhờ cậy vào sự cầu nguyện. Đối với tòa giảng, sự cầu nguyện nhiều khi chỉ là một nghi thức, một sự biểu diễn trước khi thờ phượng chiếu lệ. Đối với tòa giảng đời nay, sự cầu nguyện không phải là một sức mạnh như trong đời sống và chức vụ của Phao-lô. Ông Truyền Đạo mà không lấy sự cầu nguyện làm nguyên động lực mạnh mẽ trong đời sống và chức vụ mình, thì chỉ là một yếu tố bạc nhược trong công việc Đức Chúa Trời và không có quyền phép để làm cho chánh nghĩa của Đức Chúa Trời được tấn triển trong thế gian này.

(1) Nguyên văn là: Tạo nên

(2) Chỉ bóng về các ông Mục Sư và Truyền Đạo

CHƯƠNG THỨ HAI

SỰ ĐẦY ĐỦ CỦA CHÚNG TÔI ĐẾN TỪ ĐỨC CHÚA TRỜI

(II Cô-rinh-tô 3:5)

Nhưng trên hết mọi sự, ông xuất sắc ở chỗ cầu nguyện. Tâm thần ông sâu nhiệm và cao trọng. Bài giảng của ông cung kính, long trọng, lời nói của ông ít ỏi nhưng đầy đủ. Mọi thứ ấy khiến cho cả người lạ cũng phải hâm mộ, vì thường yên ủi được kẻ khác. Tôi phải nói rằng cái “thần hình” đáng sợ, linh hoạt và cung kính hơn hết mà tôi từng rờ tới hoặc xem ngắm, chính là sự cầu nguyện của ông. Quả thật, sự cầu nguyện của ông là một lời làm chứng. Ông quen biết và sống gần Đức Chúa Trời hơn mọi người khác, vì những ai quen biết Ngài nhiều nhứt đều thấy lý do mạnh nhứt bắt mình phải đến gần Ngài một cách cung kính, sợ sệt.

Lời ông William Penn luận về Ông GEORGE FOX

Chi suy bại chút ít, các ân huệ dịu ngọt hơn hết cũng có thể sanh bông trái cay đắng hơn hết. Mặt trời ban sự sống, nhưng hễ trúng nắng thì chết. Giảng tức là ban phát sự sống; Sự giảng có thể khóa lại cũng như có thể mở khóa. Giảng là một công cuộc lớn lao của Đức Chúa Trời cốt để tròng sự sống thiêng liêng và giúp cho nó trưởng thành. Nếu thi hành đúng phép, thì có lợi ích khôn xiết. Nếu thi hành trái phép, thì không gì có kết quả tai hại hơn. Nếu người chăn khờ dại, hoặc đồng cỏ bị phá hủy, thì rất dễ tiêu diệt bầy chiên. Nếu toán lính canh ngủ say, hoặc đồ ăn và nước bị bỏ thuốc độc, thì rất dễ chiếm lấy thành trì. Vì có những đặc quyền đẹp đẽ như vậy, vì có cơ gặp những tai họa lớn lao như vậy, vì gồm nhiều trách nhiệm như vậy, nên nếu ma quỷ không đem hết thế lực lớn lao để giả mạo ông Truyền Đạo và sự giảng đạo, thì tánh xảo quyệt của nó sẽ bị chế nhạo, tánh tình và danh dự của nó sẽ bị phương hại. Đứng trước mọi sự này, câu hỏi cảm thán của Phao-lô không bao giờ sai chỗ: “Ai đương nổi sự này ư ?” (II Cô-rinh-tô 2:16).

Phao-lô nói rằng: “Những tư cách của chúng tôi đến từ Đức Chúa Trời, Ngài cũng đã khiến chúng tôi có đủ tư cách để làm chấp sự của giao ước mới, chẳng phải giao ước bằng văn tự, bèn là bằng Thần Linh; vì văn tự làm cho chết, còn Thần Linh làm cho sống” (II Cô-rinh-tô 3:5,6). Chức vụ chơn chánh phải được Đức Chúa Trời tiếp xúc, được Đức Chúa Trời ban khả năng và do Đức Chúa Trời đào luyện. Thánh Linh của Đức Chúa Trời ở trên ông Truyền Đạo để xúc dầu cho ông được quyền phép. Trái của Thánh Linh ở trong lòng ông. Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã sanh động hóa người giảng và lời giảng; Lời giảng của ông ban sự sống. Nó ban sự sống cũng như suối nước ban sự sống, nó ban sự sống cũng như sự phục sanh ban sự sống, nó ban sự sống hăng hái như mùa hạ ban sự sống hăng hái, nó ban sự sống kết quả cũng như mùa thu ban sự sống kết quả. Ông Truyền Đạo ban sự sống là người của Đức Chúa Trời: Tâm lòng ông luôn luôn khát khao Ngài, linh hồn ông luôn luôn theo sát Đức Chúa Trời, con mắt ông chăm chú vào một mình Đức Chúa Trời. Ở trong ông, quyền phép của Thánh Linh Đức Chúa Trời đã đóng đinh xác thịt và thế gian vào Thập Tự Giá, cho nên chức vụ ông giống như dòng sông tràn ngập ban sự sống.

Sự giảng giết chết chính là sự giảng không thiêng liêng. Tài giảng không do Đức Chúa Trời mà ra. Những nguồn thấp kém hơn Đức Chúa Trời đã ban sức mạnh cho nó và kích thích nó. Thánh Linh không tỏ rõ trong người và trong lời giảng của ông. Sự giảng giết chết có thể làm nảy nở và kích thích nhiều sức mạnh, nhưng đó không phải là sức mạnh thiêng liêng. Nó có thể giống như sức mạnh thiêng liêng, nhưng chỉ là bóng và giả mạo. Nó dường như có sự sống, nhưng sự sống bị thôi miên. Sự giảng giết chết là chữ; có lẽ nó cân đối và có thứ tự, nhưng vẫn là chữ, - chữ khô khan - chỉ có vỏ ngoài, trống rỗng và trơ trụi. Chữ có thể có mầm sự sống, nhưng không có luồng gió mùa xuân làm cho nó thức dậy. Nó là hột giống gieo lúc mùa đông, cứng rắn như đất mùa đông, lạnh lẽo như khí trời mùa đông, không thể làm nảy mầm hoặc làm cho tan giá.

Sự giảng bằng chữ này có lẽ thật, nhưng lẽ thật của Đức Chúa Trời không tự mình có sức mạnh ban sự sống được, nó phải được Thánh Linh làm cho sanh động, và sau lưng nó phải có hết thầy sức mạnh của Đức Chúa Trời. Nếu không được Thánh Linh của Đức Chúa Trời làm cho sanh động, thì lẽ thật làm cho chết cũng như lẽ giả,

hoặc hơn nữa. Có thể lẽ thật không pha trộn, nhưng không có Thánh Linh thì cái bóng và đung chạm của nó vẫn làm cho chết; sự chơn chánh của nó là sai lạc và sự sáng của nó vẫn là tối tăm. Sự giảng bằng chữ không có sự xúc dầu, không được Thánh Linh làm cho chín mềm và xúc dầu cho.

Có thể có nước mắt, nhưng nước mắt không thể làm cho guồng máy của Đức Chúa Trời chạy được. Nước mắt có thể chỉ là gió mùa hạ thổi trên núi băng có tuyết phủ thêm, nên chỉ chạm tới lớp mềm ở ngoài. Có thể có cảm giác và sự sốt sắng, nhưng là sự xúc động của một người đóng kịch và sự sốt sắng của một người đại diện trước tụng đình. Ông Truyền Đạo có thể tự thấy nhiệt thành vì các tàn lửa của mình bùng lên, có thể hùng biện đang khi giải thích Kinh Thánh, có thể sốt sắng rao truyền sáng tác của trí óc mình. Giáo sư có thể chiếm chỗ và bắt chước lửa nhiệt thành của vị Sứ Đồ. Cân não có thể thay thế và giả mạo công việc của Thánh Linh Đức Chúa Trời bởi những sức mạnh ấy, chữ có thể chói lói và lấp lánh như một câu gốc được soi sáng, nhưng sự chói lói và lấp lánh ấy chẳng có sự sống, cũng như đồng ruộng gieo ngọc trai vậy. Có yếu tố làm cho chết ở đằng sau lời nói, đằng sau bài giảng, đằng sau cơ hội, đằng sau cử chỉ, đằng sau hành động.

Trở lực lớn lao ở chính ông Truyền Đạo. Trong ông không có sức mạnh mẽ tạo nên sự sống. Có lẽ không thể hạ giá sự đốc tín, thành thực, trong sạch và sốt sắng của ông; nhưng dầu sao chính con người, con người bề trong ở những nơi sâu kín đã không bị tan nát và phó dâng cho Đức Chúa Trời, và sự sống bên trong của ông vẫn không phải là con đường lớn để truyền tin tức (message) và quyền phép của Đức Chúa Trời. Dầu sao, bôn ngã, chứ không phải Đức Chúa Trời, vẫn cai trị ở nơi chí thánh. Ở chỗ nào đó mà ông không cảm thấy một cái “núm vặn” thiêng liêng đã đụng tới người bề trong của ông, nên luồng điện của Đức Chúa Trời bị chặn lại. Người bề trong của ông không bao giờ cảm thấy nó hoàn toàn “vỡ nợ” thiêng liêng, hoàn toàn vô quyền lực; ông chưa hề tập kêu la trong lúc tự tuyệt vọng và tự biết yêu đuối, cho đến khi quyền phép và lửa của Đức Chúa Trời giáng vào, đầy dẫy, tẩy sạch và ban năng lực cho mình. Dưới một hình thức nham hiểm nào đó, sự tự khen chuộng và tự cậy tài riêng đã phi báng và xâm phạm Đền Thờ đáng lẽ phải biệt riêng ra thánh cho Đức Chúa Trời.

Muốn ban sự sống khi giảng dạy, ông Truyền Đạo phải trả giá rất đắt: - Phải chết về bản ngã, phải chịu đóng đinh vào Thập Tự Giá đối với thế gian, và linh hồn ông phải khó nhọc như lúc sanh con. Chỉ có sự giảng dạy bị đóng đinh vào Thập Tự Giá mới ban sự sống được, và sự giảng dạy bị đóng đinh vào Thập Tự Giá chỉ xuất phát từ một ông Truyền Đạo bị đóng đinh vào Thập Tự Giá.

CHƯƠNG THỨ BA

VẤN TỰ LÀM CHO CHẾT

(II Cô-rinh-tô 3:6)

Trong cơn bệnh hoạn này, Chúa khiến tôi xem xét đời mình liên quan đến cõi đời đời một cách cẩn thận hơn là khi tôi khỏe mạnh. Trong khi suy xét cách tôi thi hành phận sự đối với kẻ đồng loại theo tư cách một người, một Mục Sư Tin Lành, một chức viên Hội Thánh, thì tôi thấy mình được lương tâm khen chuộng; Nhưng khi suy xét cách tôi thi hành phận sự đối với Đấng Cứu Chuộc và Cứu Chúa tôi, thì kết quả khác hẳn. Sự đền đáp, biết ơn, kính mến và vâng phục của tôi không tương xứng với các bổn phận mình vì đã được Ngài cứu chuộc, gìn giữ và nâng đỡ qua những cuộc thăng trầm của cuộc đời từ lúc thơ ấu cho tới khi già cả. Tôi bị đè nặng và bối rối vì cơ lòng yêu thương lạt lẽo đối với Đấng đã yêu thương tôi trước và đã làm ơn cho tôi biết bao điều.

Để “hoàn thành” tâm tình không xứng đáng của mình, tôi chẳng những xao lãng không làm hoàn mỹ ân điển Chúa ban cho theo mực độ phận sự và đặc quyền của mình, nhưng vì còn thiếu bậc hoàn mỹ kia mà sa sút lòng sốt sắng, yêu mến ban đầu và thêm bối rối, lo lắng, nhọc nhằn. Tôi bị xấu hổ, phải hạ mình xuống, xin Chúa thương xót mình, và cũng tái lập giao ước sẽ cố gắng dâng mình cho Chúa chẳng giữ lại chút gì!

- Giám Mục McKENDREE

Sự giảng làm cho chết có thể và thường là đạo chánh thống, chánh thống về phương diện giáo lý. Chúng ta thích đạo chánh thống. Nó tốt và là tốt nhất. Nó là sự dạy dỗ thuần túy và rõ rệt của Lời Đức Chúa Trời, là chiến lợi phẩm mà lẽ thật chiếm được trong cuộc giao tranh với lẽ giả, là quân đội mà đức tin đã đẩy lên chống chọi nước lụt tàn phá do sự tin sai hoặc sự không tin, dầu nó thành thực hay lừa dối cũng vậy. Nhưng đạo chánh thống trong treo và cứng rắn như pha lê, đa nghi và thích tranh đấu, có lẽ chúng chỉ là chữ - chữ gọt giũa cẩn thận, chữ mang danh hiệu tốt đẹp, chữ học vấn uyên thâm - chữ làm cho chết, chết đến nỗi không thuyết lý, không thể suy nghĩ, không thể nghiên cứu, không thể cầu nguyện.

Sự giảng làm cho chết có thể có trí suy xét, có thể hiểu biết các nguyên lý, có thể có học thức uyên thâm và có tài phê bình năng khiếu, có thể hiểu biết chi tiết phép chuyển hóa (*déviration*) và văn phạm của chữ, có thể sắp đặt cho thành kiểu mẫu trọn vẹn, có thể soi sáng chữ, y như Platon, Cicéron soi sáng, có thể nghiên cứu chữ y như một luật sư nghiên cứu sách vở để lập hồ sơ hoặc để binh vực thân chủ, nhưng vẫn lạnh như băng giá.

Sự giảng bằng chữ có thể hùng hồn, phủ một men thi ca và biện thuyết, rây thêm lời cầu nguyện, có cảm giác làm gia vị, được thiên tài soi sáng; Nhưng, đó chỉ là “cái gong” to lớn, liêm khiết, quý giá, hoặc vòng hoa hiếm và đẹp phủ xác chết.

Sự giảng làm cho chết có thể không có học thức uyên thâm, không có ý tưởng hoặc cảm giác mới mẻ nào làm đặc điểm; có thể mặc lấy những tánh cách chung vô vị, và những tánh cách riêng lạt lẽo; có văn thể không đều mực, không cẩn thận, thiếu mùi vị của phòng riêng (chỉ về sự cầu nguyện) hoặc của văn phòng (chỉ về sự nghiên cứu), và không tăng phần đẹp để nhờ tư tưởng, cách phát biểu và sự cầu nguyện. Giảng như vậy thì sự tàn phá hoàn toàn sẽ rộng lớn biết bao, và sự chết thiêng liêng sẽ sâu xa biết bao!

Sự giảng bằng chữ này chỉ đối xử với bề mặt và cái bóng của sự vật, chớ không đối xử với chính sự vật. Nó không thấu vào phần bên trong, nó không phân biệt sâu xa và không nắm giữ chặt chẽ sự sống kín giấu của Lời Đức Chúa Trời. Nó trung thành với bề ngoài, nhưng bề ngoài là cái vỏ mà ta phải đập vỡ để vào tới nhân. Chữ có thể mặc áo cho đúng thời trang để hấp dẫn, nhưng không phải là

hấp dẫn đến Đức Chúa Trời, và cũng không phải là thời trang thích hợp với Thiên Đàng.

Sự thất bại ở chính ông Truyền Đạo. Không phải là Đức Chúa Trời tạo nên ông, ông chưa bao giờ ở trong tay Đức Chúa Trời giống như đất sét ở trong tay thợ gốm. Ông bận rộn về bài giảng, về ý tưởng và sự hoàn thành nó, về sức mạnh thu hút và cảm động của nó? Nhưng ông bao giờ tìm kiếm, kê cứu, dò xét và từng trải những sự sâu nhiệm của Đức Chúa Trời. Ông chưa bao giờ đứng trước “ngôi cao và cất lên” (Ê-sai 6:1 theo nguyên văn), chưa bao giờ nghe bài ca của các Sê-ra-phin, chưa bao giờ được hiện thấy về sự thánh khiết kinh khủng đó, hoặc cảm biết luồng sóng mạnh mẽ của nó, chưa bao giờ kêu la vì yếu đuối và mắc tội, đời sống của ông chưa bao giờ được đổi mới, lòng ông chưa bao giờ được chạm tới, tẩy sạch và bùng cháy vì than hồng từ bàn thờ Đức Chúa Trời.

Chức vụ của ông có thể lôi kéo kẻ khác đến với ông, với Hội Thánh, với hình thức và nghi lễ; Nhưng không thật lôi kéo họ đến với Đức Chúa Trời, và không sanh ra sự thông công dịu dàng, thánh khiết, thiên thượng. Hội Thánh đã được vẽ tô điểm trên tường nhưng không được gây dựng, được đẹp lòng nhưng không được nên thánh. Sự sống bị tiêu trừ, một luồng lạnh lẽo ở trong khí trời mùa hạ, đất bị thiêu nung. Thành của Đức Chúa Trời chúng ta hóa ra thành của kẻ chết, Hội Thánh là một nghĩa địa, chớ không phải là một đạo quân giàn trận. Lời ngợi khen và cầu nguyện bị bóp nghẹt, sự thờ phượng chết cứng. Ông Truyền Đạo và sự giảng đạo giúp đỡ tội lỗi, chớ không giúp đỡ sự thánh khiết, đã làm cho địa ngục đông người, chớ không làm cho Thiên Đàng đông người.

Sự làm cho chết là sự giảng không cầu nguyện. Không cầu nguyện thì ông Truyền Đạo tạo nên sự chết, chớ không tạo nên sự sống. Ông Truyền Đạo nào yếu đuối trong sự cầu nguyện, thì cũng yếu đuối không có sức ban sự sống. Ông Truyền Đạo nào đã cho sự cầu nguyện về hưu, không còn dùng nó làm một yếu tố nổi bật và chủ yếu của tâm tánh mình, thì đã làm cho sự giảng dạy của mình mất hết quyền phép ban sự sống. Đã có và sẽ có sự cầu nguyện nhà nghề, nhưng sự cầu nguyện nhà nghề chỉ giúp cho sự giảng dạy làm công việc giết chết. Ta có thể qui cho sự cầu nguyện nhà nghề trên tòa giảng đã gây nên sự mộ đạo lỏng lẻo và những vẻ nhác nhóm, bất kính trong sự cầu nguyện của hội chúng. Sự cầu nguyện

ở nhiều tòa giảng thật dài, rời rạc, khô khan, trống rỗng, thiếu sự xúc dầu và thiếu tâm hồn; nó như băng giá lạnh chết rơi trên mọi vẻ đẹp của cuộc thờ phượng. Nó là lời cầu nguyện làm cho chết. Hơi thở của nó đã tiêu diệt hết vết tích của lòng mộ đạo. Nó càng chết, thì càng dài. Trên tòa giảng cần phải có sự cầu nguyện ngắn, linh động, thiết thực tưng trong lòng. Cầu nguyện bởi Đức Thánh Linh, cầu nguyện trực tiếp, đặc biệt, sốt sắng, giản dị, dịu dàng. Một trường dạy các ông Truyền Đạo cầu nguyện theo như Đức Chúa Trời đánh giá sự cầu nguyện, sẽ có ích cho sự tin kính thật, sự thờ phượng thật và sự giảng dạy thật, hơn tất cả các trường thần học.

Hãy dừng lại! Hãy suy xét!

Chúng ta đang ở đâu? Chúng ta đang làm gì? Giảng để giết chết chẳng? Cầu nguyện để giết chết chẳng? Hay là cầu nguyện Đức Chúa Trời, - Đức Chúa Trời cao cả, là Đấng tạo nên mọi thế giới và Quan Án của mọi người. Cung kính biết bao! Giản dị biết bao! Thành thực biết bao! Chúng ta phải thực tế và tận tâm là dường nào! Cầu nguyện Đức Chúa Trời là hành động cao thượng hơn hết và sự cố gắng hơn hết của loài người: Nó cũng là điều thiết thực hơn hết!

Chúng ta há chẳng nên loại bỏ mãi mãi sự giảng dạy và sự cầu nguyện giết chết và đáng rủa sả kia sao? Há chẳng nên làm công việc thiết thực và quyền năng hơn hết, tức là lời cầu nguyện đầy tinh thần cầu nguyện, và lời giảng tạo nên sự sống vốn đem cho ta sức mạnh nhứt trong trời đất mà người ta nhận lãnh được, vốn được nhận lãnh nơi kho tàng vô tận mở rộng của Đức Chúa Trời để làm thỏa mãn nhu cầu và sự túng thiếu của loài người sao?

CHƯƠNG THỨ TƯ

NHỮNG KHUYNH HƯỚNG CẦN PHẢI TRÁNH KHỎI

Chúng ta hãy thường thường nhìn xem ông Brainerd trong các rừng rậm Mỹ Châu, dốc đổ linh hồn mình ra trước mặt Đức Chúa Trời vì có những người thờ hình tượng đang bị hư mất. Nếu họ không được cứu rỗi, thì không gì có thể làm cho ông sung sướng. Sự cầu nguyện kín nhiệm, thành tâm, tin cậy ở gốc rễ tất cả sự tin kính cá nhân, sự hiểu biết đầy đủ ngôn ngữ của miền Giáo Sĩ đang ở, một tâm tình dịu dàng và dễ được lòng người, một tấm lòng dâng trọn cho Đức Chúa Trời để giữ đạo nơi kín nhiệm, - đó là những tư cách quý hơn mọi tri thức và mọi ân tứ khác, sẽ khiến chúng ta nên những lợi khí của Đức Chúa Trời trong công cuộc lớn lao, là sự cứu chuộc loài người.

- Đoàn Bác Ái CAREY, tại Serempore

Có hai cực đoan trong chức vụ giảng đạo:

Một thái cực là tự biệt riêng không giao thiệp với người khác. Vị tu sĩ và vị tu khổ hạnh chứng minh cho thái cực này. Họ tự phân rẽ với loài người để được ở với Đức Chúa Trời nhiều hơn. Lẽ tự nhiên là họ thất bại!

Chúng ta ở với Đức Chúa Trời chỉ có ích lợi khi nào ta rải trên loài người những ơn phước vô giá do sự ở đó. Trong thời đại này, cả ông Truyền Đạo lẫn anh em giáo hữu, đều không chăm chú lắm vào Đức Chúa Trời.

Sự mong ước nóng nảy của chúng ta không phải là theo cách đó. Chúng ta tự giam mình trong văn phòng; Chúng ta thành ra những học giả, một sách, một Kinh Thánh, những nhà soạn bài giảng, nổi tiếng vì văn chương, tư tưởng và bài giảng. Song loài người và Đức Chúa Trời ở đâu? Ở ngoài lòng ta, ở ngoài trí óc ta. Các ông Truyền Đạo đại tư tưởng, đại học giả, cũng phải là người cầu nguyện mạnh mẽ hơn hết; Bằng không, họ sẽ đứng đầu những kẻ

thối lui, không có tâm hồn, hữu danh vô thực, duy lý, và còn bị Đức Chúa Trời coi là kém hơn những ông Truyền Đạo hạng chót nữa.

Khuynh hướng thứ hai là hoàn toàn quân chúng hóa chức vụ giảng đạo.

Ông Truyền Đạo không còn là người của Đức Chúa Trời nữa, nhưng là một người doanh nghiệp, một người của quân chúng. Ông không cầu nguyện, vì chỉ có nhiệm vụ với quân chúng. Nếu có thể kích động quân chúng, khiến họ lưu ý đến công việc Hội Thánh thì ông thỏa lòng rồi. Mọi liên quan riêng của ông với Đức Chúa Trời không phải là yếu tố trong công vụ ông. Trong các kế hoạch của ông, sự cầu nguyện chỉ có một địa vị nhỏ, hoặc không có địa vị chi hết. Môn toán học trần gian không thể lường hết sự tai hại và sự hủy hoại do một chức vụ như vậy. Ông Truyền Đạo có giá trị trong sự cầu nguyện đối với Đức Chúa Trời, với chính mình và với chi hội mình chứng nào, thì cũng chừng ấy ông sẽ có quyền phép để thật giúp ích loài người, sẽ có kết quả thật, sẽ thật trung tín với Đức Chúa Trời và với người ta trong đời này và trong cả cõi đời đời.

Nếu không cầu nguyện nhiều, thì ông Truyền Đạo không thể nào giữ cho tâm thần mình hòa hợp với tánh chất thiên thượng của chức vụ cao quý mình đang gánh vác. Thật là sai lầm tai hại nếu ta nghĩ rằng một khi làm phận sự và siêng năng trung tín với công việc và tập quán của chức vụ, thì ông Truyền Đạo có thể giữ mình cho hoàn hảo, xứng hợp. Dầu làm bài giảng không ngắt và nhọc nhằn như một nghệ thuật, một phận sự, một công việc, hoặc một thú vui, nhưng nếu xao lãng cầu nguyện, thì sẽ làm cho lòng ông Truyền Đạo bị chiếm cứ, cứng cõi và xa cách Đức Chúa Trời. Nhà khoa học mất Đức Chúa Trời trong cõi thiên nhiên, còn ông Truyền Đạo có thể mất Đức Chúa Trời trong bài giảng của mình.

Sự cầu nguyện làm tươi mới trái tim của ông Truyền Đạo, giữ cho nó hòa hiệp với Đức Chúa Trời và cảm thông với dân sự. Sự cầu nguyện đem chức vụ của ông ra khỏi bầu không khí giá lạnh của một nghề nghiệp, làm cho công việc thường lệ được kết quả, và làm chuyển mọi bánh xe bởi sự dễ dàng và quyền phép do Đức Chúa Trời xúc dầu cho.

Ông Spurgeon có nói rằng: “Lẽ tự nhiên, ông Truyền Đạo trởi hơn mọi kẻ khác vì là một người chuyên tâm cầu nguyện . Ông cầu nguyện như một tín đồ thường, bằng không, thì ông là một kẻ giả hình. Ông cầu nguyện nhiều hơn các tín đồ thường, bằng không, thì ông không đủ tư cách làm chức vụ mà ông đã gánh vác. Nếu ông làm Mục Sư, Truyền Đạo mà lại không sốt sắng cầu nguyện, thì ông đáng thương hại lắm. Nếu ông lỏng lẻo trong sự hành đạo kín nhiệm, thì chẳng những ông đáng thương hại, song chi hội ông cũng đáng thương hại nữa, và một ngày kia, ông sẽ bị hổ thẹn, áy náy. So sánh với phòng riêng cầu nguyện, thì hết thầy thơ viện và văn phòng của chúng ta chỉ là trống rỗng. Quả thật, những kỳ chúng ta kiêng ăn cầu nguyện trước Đền Tạm chính là những ngày long trọng: Cổng Thiên Đàng chưa hề mở rộng như vậy, và lòng chúng ta chưa hề gần Trung Tâm Vinh Quang như vậy”.

Sự cầu nguyện chuyên cần của chức vụ Mục Sư, Truyền Đạo không phải là cầu nguyện xen vào một chút giống như rắc gia vị cho dậy mùi thơm ngon; nhưng sự cầu nguyện này phải ở trong thân thể, phải cấu tạo thành máu, xương. Cầu nguyện không phải là một phận sự hèn mọn mà ta đặt vào một xó; Không phải là một hành động rời rạc tạo bằng những mảnh vụn thì giờ rút được ở công việc và những phận sự khác của cuộc sanh hoạt; nhưng nó có nghĩa rằng phải dâng phần tốt nhất của thì giờ mình, phải dâng chính trái tim của thì giờ và sức lực mình. Nó không có nghĩa là phòng riêng bị văn phòng hút mất hoặc bị nuốt trong các hoạt động của phận sự Mục Sư; Nhưng nó có nghĩa là phòng riêng trước nhất, văn phòng và các hoạt động thứ hai. Cả văn phòng và các hoạt động nhờ phòng riêng mà được tươi mới và có hiệu lực.

Sự cầu nguyện có ảnh hưởng đến chức vụ của ta thì cũng thêm vẻ đẹp cho đời sống ta. Sự cầu nguyện cho tâm tinh chúng ta có màu sắc và thanh nhã, thì không phải là một cuộc giải trí vui thích và vội vàng đầu. Nó phải thấu vào tấm lòng và đời sống cũng mạnh mẽ như “Đấng ấy...đã lớn tiếng khóc than tuôn lụy” (Hê-bơ-rơ 5:7); Phải kéo linh hồn vào tình trạng mong ước như hấp hối của Phao-lô; Phải là một ngọn lửa và sức mạnh thấu suốt như sự “khẩn cầu của người công nghĩa có nhiều quyền lực rất hiệu nghiệm” của Gia-cơ (Gia-cơ 5:16); Phải có tánh cách khi bỏ vào lư hương bằng vàng và đốt trước mặt Đức Chúa Trời, thì gây nên những sự “chuyển bụng” và cách mạng thiêng liêng lớn lao.

Cầu nguyện không phải là một thói quen nhỏ vun trồng cho chúng ta đang khi ta còn thơ dại, nó cũng không phải là một phần tư phút tề chỉnh cảm tạ Chúa trước khi ăn bữa cơm hết một giờ, nhưng nó là một công việc nghiêm trang hơn hết trong những năm nghiêm trang hơn hết của chúng ta. Nó đòi nhiều thì giờ và nhiều thêm khát hơn những bữa ăn lâu nhứt hoặc những bữa tiệc sang nhứt của chúng ta. Phải coi quý sự cầu nguyện, thì sự cầu nguyện mới làm cho sự giảng dạy của chúng ta được kẻ khác nhận được cách quý trọng. Tánh chất sự cầu nguyện của chúng ta sẽ quyết định tánh chất sự giảng dạy của chúng ta. Cầu nguyện làm cho sự giảng dạy mạnh mẽ, khiến cho nó được xúc dầu, và làm cho nó dính vào lòng kẻ nghe. Trong mọi chức vụ có giá trị giúp ích kẻ khác, thì bao giờ sự cầu nguyện cũng là một phần việc cần trọng.

Trên hết mọi sự, ông Truyền Đạo phải là một người chuyên tâm cầu nguyện. Lòng ông phải tốt nghiệp trường cầu nguyện. Trường cầu nguyện là nơi độc nhứt mà tâm lòng có thể học tập giảng dạy. Không một trình độ học vấn nào có thể bù đắp sự thiếu sót cầu nguyện. Nếu thiếu cầu nguyện, thì sự sốt sắng, chuyên cần, học hỏi và tài năng chi nữa, cũng không thay thế nó được.

Vì Đức Chúa Trời mà nói chuyện với người ta là một việc lớn lao, nhưng vì người ta mà hầu chuyện cùng Đức Chúa Trời còn lớn lao hơn nữa. Ai chưa thông thạo học tập vì người ta mà hầu chuyện Đức Chúa Trời, thì cũng không bao giờ có thể vì Đức Chúa Trời mà nói chuyện với người ta một cách thông thạo và thật có kết quả. Hơn nữa, những lời nói trên tòa giảng và ngoài tòa giảng mà không có sự cầu nguyện kèm theo, thì chỉ là lời làm cho người ta chết.

CHƯƠNG THỨ NĂM

CẦU NGUYỆN LÀ ĐIỀU TỐI CẦN THIẾT

*Anh em chắc biết giá trị của sự cầu nguyện:
Nó quý vô cùng, không sao kể xiết. Đừng bao
giờ xao lãng cầu nguyện.*

- Huân tước THOMAS

BUXTON

*Đối với ông Mục Sư, thì cầu nguyện là điều cần thiết nhất,
Điều cần thiết thứ hai và điều cần thiết thứ ba.
VẬY, HỒI ANH EM YÊU DẤU,
HÃY CẦU NGUYỆN! CẦU NGUYỆN! VÀ CẦU NGUYỆN
- EDWARD PAYSON*

Trong đời sống, trong văn phòng và trên tòa giảng của ông Truyền Đạo, cầu nguyện phải là một năng lực hiển nhiên và thấm nhuần mọi điều, một chất thuốc pha màu mọi sự. Không nên để nó đóng một vai phụ thuộc, và không nên dùng nó làm một lớp phủ ngoài mà thôi. Ông Truyền Đạo được phép ở với Chúa “*thâu đêm cầu nguyện*” (Lu-ca 6:12). Để tự huấn luyện trong sự từ bỏ mình mà cầu nguyện, ông Truyền Đạo được lệnh nhìn xem Chúa, là Đấng “*sáng hôm sau, trời còn mờ mờ, ... chờ dậy, bước ra, đi vào nơi vắng vẻ, và cầu nguyện tại đó*” (Mác 1:35). Văn phòng của ông Truyền Đạo đáng phải là một nơi kín nhiệm, một Bê-tên, một bàn thờ, một sự hiện thấy, một cái thang, hầu cho mỗi một tư tưởng bay lên trời trước khi truyền tới loài người, và mỗi phần bài giảng được đượm mùi hương của không khí Thiên Đàng, được nên cần trọng vì Đức Chúa Trời có ở trong văn phòng.

Nếu không đốt lửa, đầu máy xe lửa không chuyển động thế nào, thì cuộc giảng dạy với tất cả máy móc, sự hoàn hảo và bóng bẩy của

nó chỉ đứng yên như chết; Ấy là nói về những kết quả thiêng liêng. Nếu không có sức thúc đẩy mạnh mẽ của sự cầu nguyện ở trong bài giảng, suốt qua bài giảng và đằng sau bài giảng, thì yếu tố, sự uyển chuyển và sức mạnh của nó chỉ như rác rến mà thôi.

Ông Truyền Đạo nhớ cầu nguyện nài xin Đức Chúa Trời hướng về người ta, rồi mới có thể nhờ lời nói của mình mà làm cho người ta hướng về Đức Chúa Trời. Ông Truyền Đạo phải bệ kiến Đức Chúa Trời và được phép đến gần Ngài dễ dàng thì mới đến gần người ta được. Đối với ông Truyền Đạo, con đường mở rộng đến với Đức Chúa Trời là bảo đảm chắc chắn nhứt cho con đường mở rộng đến với loài người.

Cần phải nhắc đi nhắc lại rằng, nếu cầu nguyện chỉ là một thói quen, một nghi thức chiếu lệ, hoặc một cử chỉ nhà nghề, thì nó là việc chết và thú nát. Sự cầu nguyện thể ấy không liên quan gì với sự cầu nguyện mà chúng tôi cố khuyên đây. Chúng tôi nhấn mạnh vào sự cầu nguyện chân chánh, - nó vận dụng và làm bùng cháy hết thấy yếu tố cao quý của tâm thần ông Truyền Đạo; Nó phát sanh từ sự hiệp nhứt sanh động với Đấng Christ và sự đầy dẫy Đức Thánh Linh. Nó nảy ra từ các nguồn suối sâu xa, đầy tràn của sự cảm thương dịu dàng và sự lo lắng linh động cho loài người được phước đời đời, cũng nảy ra từ sự hoàn toàn tin quyết rằng công việc của ông Truyền Đạo là khó khăn, tế nhị và tuyệt đối cần được Đức Chúa Trời giúp đỡ mạnh mẽ hơn hết. Sự cầu nguyện dựa trên những tín niệm (conviction) long trọng và sâu nhiệm, đó là sự cầu nguyện chơn thành độc nhứt vô nhị. Cuộc giảng dạy được sự cầu nguyện dường ấy nâng đỡ, là cuộc giảng dạy độc nhứt vô nhị gieo hột giống sự sống đời đời vào lòng người ta, và gây dựng họ cho xứng đáng ở Thiên Đàng.

Quả thật rằng có thể có sự giảng dạy bình dân, sự giảng dạy vui thích, sự giảng dạy hấp dẫn, sự giảng dạy có nhiều trí tuệ, văn chương và đầu óc, có một phần nào đó hoặc một hình thức nào đó thấy như tốt lành, có thể có một chút cầu nguyện hoặc không cầu nguyện chi hết. Nhưng, sự giảng dạy đạt tới mục đích của Đức Chúa Trời dành cho nó phải do sự cầu nguyện sanh ra từ câu gốc cho tới lời mở đầu, phải được truyền ra với sức lực và tinh thần của sự cầu nguyện; lâu lắm về sau ông Truyền Đạo vẫn cứ cầu nguyện và theo dõi bài giảng làm cho nó nẩy mầm và giữ cho nó có sức lực

sanh động trong lòng thánh giả.

Có lẽ chúng ta dùng nhiều cách bào chữa sự thiếu thốn thiêng liêng trong cuộc giảng dạy của mình, nhưng ta sẽ thấy có chính là thiếu cầu nguyện khẩn cấp cho được Đức Chúa Trời hiện diện bởi quyền phép của Đức Thánh Linh. Vô số ông Truyền Đạo có thể giảng những bài tuyệt diệu theo phiên thứ của mình; nhưng hiệu quả ngăn ngừa và không phải là một động lực thâu vào các phần của thần linh tại đó đang diễn ra cuộc giao tranh khủng khiếp giữa Đức Chúa Trời và quỷ Sa-tan, giữa Thiên Đàng và địa ngục; Ấy vì những bài giảng đó không được cầu nguyện đề có đủ quyền năng mạnh mẽ đạt đến đắc thắng thiêng liêng.

Những ông Truyền Đạo kết quả lớn lao cho Đức Chúa Trời chính là những kẻ đã được ưu thắng trong khi biện bác với Đức Chúa Trời, rồi sau đó mới biện bác với người ta. *Những ông Truyền Đạo nào hùng mạnh nhất với Đức Chúa Trời trong phòng riêng, thì cũng sẽ hùng mạnh nhất với người ta trên tòa giảng.*

Các ông Truyền Đạo cũng là người, thường thấy và thường mắc phải sức lôi cuốn mạnh mẽ của những trào lưu loài người. Cầu nguyện là công việc thiêng liêng, và bản tánh loài người không thích phải cố gắng công việc thiêng liêng. Bản tánh loài người muốn đi tàu đến Thiên Đàng dưới một ngọn gió hiu hiu tiện lợi, hoặc trên mặt biển hết sức phẳng lặng. Cầu nguyện là công việc hạ người ta xuống, nó hạ trí tuệ và tánh kiêu căng xuống, đóng đinh tánh hiếu danh vào Thập Tự Giá, ký xác nhận chúng ta phá sản phần thiêng liêng; thịt và huyết khó mà chịu nổi mọi sự đó. Thà không cầu nguyện còn dễ chịu hơn là chịu mọi sự đó. Như vậy, chúng ta đi đến một tai nạn lớn của thời kỳ này và có lẽ của mọi thời kỳ, - tức là cầu nguyện ít hoặc không cầu nguyện chi hết. Trong hai tai nạn này, có lẽ cầu nguyện ít còn tệ hại hơn là không cầu nguyện chi hết. Cầu nguyện ít là một thứ giả dối, một thứ thuốc xức dùi lương tâm, một trò hề và một sự lừa gạt.

Chúng ta đánh giá cầu nguyện rất rẻ nên đã đề rất ít thì giờ cầu nguyện. Thì giờ mà ông Truyền Đạo bậc trung bình biệt riêng cho sự cầu nguyện hầu như không đáng kể chi trong tổng số hoạt động hằng ngày. Nhiều khi ông Truyền Đạo chỉ cầu nguyện ở bên giường, lúc đã mặc quần áo ngủ sắp sửa lên giường và chẳng mấy

lúc ông đã nằm trên giường. Rồi đến sáng, trước khi thay quần áo có lẽ ông vội vã thêm vài mẫu cầu nguyện. Yếu đuối thay! Hư ảo thay! Ít ỏi thay là sự cầu nguyện như thế ấy nếu ta đem so sánh nó với thì giờ cùng sức lực mà các bậc thánh ở trong và ở ngoài Kinh Thánh đã biệt riêng cho sự cầu nguyện! Bên cạnh các thói quen của các bậc vĩ nhân của Đức Chúa Trời trong mọi thời đại thì sự cầu nguyện hèn hạ, trẻ con của chúng ta thật là nghèo thiếu, thấp thỏi biết bao! Đức Chúa Trời giao chia khó của Nước Ngài cho những người nghĩ rằng *cầu nguyện là công việc chánh yếu của mình, và biệt riêng thì giờ cầu nguyện theo như chúng tôi đã đánh giá rất cao trọng cho nó*. Ngài dùng họ để làm nên những kỳ quan thiêng liêng trong thế giới này. Cầu nguyện nhiều là dấu hiệu và ấn chứng của các thủ lãnh oai hùng trong công việc Đức Chúa Trời, là đảm bảo cho những lực lượng chiến thắng mà Đức Chúa Trời truyền vào công khó của họ.

Sứ mạng của ông Truyền Đạo là phải cầu nguyện và phải giảng dạy vậy. Nếu ông không làm đầy đủ cả hai phần ấy, thì sứ mạng ông bất toàn. Ông Truyền Đạo có thể giảng với tất cả sự hùng hồn của loài người và Thiên Sứ, nhưng nếu ông không cầu nguyện với một đức tin kéo cả Thiên Đàng đến giúp đỡ mình, thì sự giảng của ông trở nên như “*đồng kêu lên hay là chấp chỏa vang tiếng*” (1 Cô-rinh-tô 13:1), không thể dùng để tôn vinh Đức Chúa Trời và cứu vớt linh hồn mãi mãi.

CHƯƠNG THỨ SÁU

MỘT CHỨC VỤ CẦU NGUYỆN CÓ KẾT QUẢ

Duyên có chính làm cho tôi ốm yếu và không kết quả là do tôi nhắc nhóm không cầu nguyện, không sao giải nghĩa được. Tôi có thể viết, hoặc đọc, hoặc nói chuyện, hoặc nghe với một tấm lòng mau mắn; Nhưng, cầu nguyện là thiêng liêng và sâu nhiệm hơn mọi sự đó. Phận sự nào càng thiêng liêng, thì tấm lòng xác thịt của tôi càng hay té tách khỏi nó. Sự cầu nguyện, kiên nhẫn và đức tin không bao giờ bị thất vọng. Từ lâu tôi đã học biết rằng nếu tôi muốn làm Mục Sư, thì phải có đức tin và chuyên cần cầu nguyện. Khi tôi có thể thấy lòng mình xứng hợp và tự do cầu nguyện thì mọi sự khác tương đối dễ dàng.

- RICHARD NEWTON

Ta có thể đặt một định lý thiêng liêng rằng, trong mọi chức vụ thật thành công, cầu nguyện là một năng lực rõ rệt và kiểm soát, - rõ rệt và kiểm soát trong đời sống ông Truyền Đạo, lại cũng rõ rệt và kiểm soát trong tâm tánh thiêng liêng sâu nhiệm của chức vụ ông. Chức vụ có thể có tư tưởng sâu xa, cần trọng, mà lại thiếu sự cầu nguyện. Ông Truyền Đạo có thể thiếu sự cầu nguyện mà vẫn được danh tiếng và hoan nghinh. Tất cả guồng máy của đời sống và công việc ông Truyền Đạo có thể chạy mà vẫn không có dầu cầu nguyện, hoặc không có đủ để làm trơn một cái bánh xe có răng cưa. Nếu sự cầu nguyện không thành ra một năng lực rõ rệt và kiểm soát, thì không một chức vụ nào có thể là một chức vụ thiêng liêng, đảm bảo sự thánh khiết cho ông Truyền Đạo và cho Chi Hội ông.

Ông Truyền Đạo cầu nguyện, thì thật mới được Đức Chúa Trời vào trong công việc. Đức Chúa Trời không ngự vào công việc của ông Truyền Đạo như là một việc tất nhiên hay là theo những nguyên tắc tổng quát, nhưng Ngài ngự vào bởi sự cầu nguyện khẩn cấp đặc

biệt. Chúng ta sẽ thấy Đức Chúa Trời trong ngày ta tìm kiếm Ngài hết lòng, - điều đó đúng với ông Truyền Đạo cũng như đúng với tội nhơn ăn năn. Chức vụ chuyên cần cầu nguyện là chức vụ độc nhất vô nhị khiến ông Truyền Đạo đồng cảm với tín đồ. Sự cầu nguyện cốt yếu liên kết chúng ta với loài người cũng như với Đức Chúa Trời vậy. Chức vụ chuyên cần cầu nguyện là chức vụ độc nhất vô nhị có đủ tư cách đảm đương những công việc và trách nhiệm cao quý của ông Truyền Đạo.

Trường Cao đẳng, học vấn, sách vở, môn Thần học và sự giảng dạy đều không thể tạo nên một ông Truyền Đạo, nhưng sự cầu nguyện thì tạo nên được. Chúa đã truyền lệnh cho các Sứ Đồ phải giảng đạo, nhưng linh ấy chẳng có hiệu lực gì cho đến ngày lễ Ngũ Tuần, họ nhờ cầu nguyện mà được đầy đầy Đức Thánh Linh. Một Mục Sư chuyên cần cầu nguyện thì đã vượt quá phạm vi của giới bình dân, của người kinh doanh thường, của các việc đời này, của sức hấp dẫn ở tòa giảng, của nhà tổ chức Giáo Hội hoặc vị lãnh tụ Giáo Hội mà bước vào phạm vi cao siêu mạnh mẽ hơn, tức là cõi thiêng liêng. Sự thánh khiết là kết quả do công việc ông; những tấm lòng và đời sống biến hóa chứng thực cho công việc ông và cho tánh chất trung tín, thiết thực của nó. Đức Chúa Trời ở cùng ông. Chức vụ của ông không dựng trên những nguyên tắc trần gian hoặc nông cạn. Một cách sâu xa, ông được cung cấp những sự thuộc về Đức Chúa Trời và được huấn luyện về những sự ấy. Vì ông thông công sâu nhiệm và lâu dài với Đức Chúa Trời để chi hội mình được phước và vì tâm linh ông chiến đấu như hấp hối, nên ông đã được tôn làm “vua chúa” trong những sự thuộc về Đức Chúa Trời. Từ lâu, vẻ lạnh ngắt của nghề nghiệp đã tiêu tan dưới sự cầu nguyện sốt sắng của ông.

Vì thiếu cầu nguyện nên chúng ta thấy chức vụ của ông Mục Sư này chỉ có kết quả bề ngoài, còn chức vụ của nhiều ông Mục Sư khác lại chết cứng. Không một chức vụ nào được kết quả nếu không cầu nguyện nhiều, và sự cầu nguyện này phải hiệp với chánh giáo, bền vững và tăng thêm luôn. Câu gốc và bài giảng phải là kết quả của sự cầu nguyện. Văn phòng phải tắm gội bằng cầu nguyện, mọi phận sự của nó phải thấm nhuần cầu nguyện, và tất cả tinh thần của nó phải là tinh thần cầu nguyện.

Trên giường chết, một tội tở lựa chọn của Đức Chúa Trời đã nói

rằng: “*Tôi hối tiếc vì đã cầu nguyện ít quá!*” Đối với một ông Truyền Đạo, đó là sự hối tiếc buồn rầu và đầy ân hận. Tổng Giám Mục Tait đã quá cố, có nói rằng: “*Tôi muốn sống một đời cầu nguyện lớn lao, sâu nhiệm hơn, trung tín hơn!*” Nguyện hết thầy chúng ta nói được như vậy!

Các ông Truyền Đạo trứ danh của Đức Chúa Trời đều có một đặc điểm trọng đại duy nhất: *Họ là những người chuyên cần cầu nguyện.* Họ thường khác nhau nhiều điều, nhưng bao giờ cũng có cùng một trung tâm. Họ đã bắt đầu ở những chỗ khác nhau, đã đi những con đường khác nhau, nhưng đều hướng về một điểm: *Họ là một, trong sự cầu nguyện.* Đối với họ, Đức Chúa Trời là trung tâm hấp lực, và cầu nguyện là con đường dẫn đến Đức Chúa Trời. Những người này không phải thỉnh thoảng mới cầu nguyện, cũng không cầu nguyện chút ít trong những thì giờ thường lệ hoặc bất thường; Nhưng họ cầu nguyện đến nỗi các lời cầu nguyện của họ ngấm vào và nắn đúc tâm tánh họ; họ cầu nguyện đến nỗi sự cầu nguyện có ảnh hưởng tới đời sống của mình và của kẻ khác. Họ cầu nguyện đến nỗi tạo nên lịch sử của Hội Thánh và có ảnh hưởng tới trào lưu của các thời đại. Họ để nhiều thì giờ cầu nguyện, không phải vì nhận thấy cái bóng trên trác ảnh hoặc trên cái kim đồng hồ, nhưng vì đối với họ, cầu nguyện là một việc quan trọng và hấp hối đến nỗi họ hầu như không bỏ qua được.

Đối với họ cũng như đối với Phao-lô, cầu nguyện tức là linh hồn chiến đấu và sốt sắng cố gắng; cũng như đối với Gia-cốp, cầu nguyện là vật lộn và đắc thắng; cũng như đối với Đấng Christ cầu nguyện là “*lớn tiếng khóc than*” (Hê-bơ-rơ 5:7). Họ “*dùng đủ thứ khăn đẩu, nài xin mà cầu nguyện trong Thánh Linh; về điều đó hãy thức canh, bền đỗ mọi bề mà cầu nguyện*” (Ê-phê-sô 6:18). “*Sự khẩn cầu của người công nghĩa có nhiều quyền lực rất hiệu nghiệm*” (Gia-cơ 5:16) là khí giới hùng mạnh nhất cho những chiến sĩ hùng mạnh nhất của Đức Chúa Trời. Lời tuyên bố về Ê-li rằng: Ông “*vốn là người có tánh tình như chúng ta, người cầu nguyện khẩn thiết đừng cho mưa, thì không mưa xuống đất trong ba năm sáu tháng. Đoạn, người cầu nguyện lại trời bền mưa, và đất sanh hoa lợi*” (Gia-cơ 5:17). Thật gồm hết các đấng Tiên Tri và các ông Truyền Đạo đã vì Đức Chúa Trời mà làm kích động thế hệ của mình. Lời tuyên bố ấy cũng tỏ rõ khí cụ mà họ đã sử dụng để làm nên các phép lạ.

CHƯƠNG THỨ BẢY

PHẢI BIỆT RIÊNG NHIỀU THÌ GIỜ CHO SỰ CẦU NGUYỆN

Các Giáo Sư trứ danh trong Đạo Đấng Christ đã luôn luôn nhận thấy cầu nguyện là nguồn soi dẫn tối cao của mình. Không cần phải đi xa quá giới hạn của Hội Thánh nước Anh, có lời chép về Giám Mục Andrews rằng, hằng ngày ông biệt riêng năm giờ quý gối cầu nguyện. Những quyết định thực tế lớn lao hơn hết làm cho đời sống người ta trong các thời kỳ Đạo Đấng Christ được phong phú, hoàn mỹ đều đã được trong khi cầu nguyện.

- CANON LIDDON

Dầu theo tánh chất của sự việc, nhiều lời cầu nguyện riêng phải ngắn ngủi, theo lệ chung, những lời cầu nguyện công cộng phải ngắn ngủi và gọn ghẽ, dầu sự cầu nguyện ứng khẩu rất có cơ hội thuận tiện và giá trị, - nhưng trong sự thông công riêng với Đức Chúa Trời, thì giờ là một đặc điểm cốt yếu cho giá trị của nó. Để nhiều thì giờ ở với Đức Chúa Trời, đó là quý báu của mọi sự cầu nguyện có hiệu quả. Sự cầu nguyện mà ta cảm thấy như một lực lượng mạnh mẽ chính là kết quả gián tiếp hoặc trực tiếp do nhiều thì giờ ở riêng với Đức Chúa Trời. Sở dĩ những lời cầu nguyện ngắn ngủi của chúng ta có giá trị và linh nghiệm là nhờ những giờ cầu nguyện dài từ trước. Lời cầu nguyện ngắn ngủi mà thắng lợi thì không thể do một người đã chẳng thắng lợi với Đức Chúa Trời trong một cuộc vật lộn dai dẳng và mãnh liệt.

Nếu Gia-cốp không vật lộn thâu đêm, thì ông đã không thắng trận bởi đức tin. Không thể quen biết Đức Chúa Trời bằng cách đến thăm Ngài cách vội vã. Đức Chúa Trời không đổ ân tứ của Ngài trên những người tình cờ hoặc vội vã đến rồi đi. Biệt riêng nhiều

thì giờ một mình với Đức Chúa Trời, đó là bí quyết để quen biết Ngài và có thể lực nơi Ngài. Ngài đổ các ân tứ quý giá hơn hết trên kẻ tuyên bố rằng mình mong ước và quý chuộng các ân tứ ấy, - tuyên bố bằng cách bèn đổ cầu xin và sốt sắng khuấy rối Đức Chúa Trời. Đấng Christ là gương mẫu của chúng ta trong sự cầu nguyện cũng như trong mọi điều khác, đã biệt riêng nhiều đêm trường để cầu nguyện! Ngài có thói quen cầu nguyện nhiều lắm! Ngài năng lui tới một chỗ riêng để cầu nguyện. Nhiều kỳ cầu nguyện lâu dài đã tạo nên lịch sử và tâm tính của Ngài. Phao-lô đã cầu nguyện ngày và đêm. Giữa những công việc hệ trọng, Đa-ni-ên đã dành thì giờ cầu nguyện mỗi ngày ba lần. Chắc hẳn trong nhiều cơ hội, Đa-vít đã cầu nguyện buổi sáng, buổi trưa, và buổi tối rất lâu. Dầu chúng ta không thấy đặc biệt ghi chép khoảng thì giờ mà các Thánh Đồ trong Hội Thánh đó biệt riêng cầu nguyện, nhưng cũng đủ tỏ rõ họ đã để nhiều thì giờ cầu nguyện, và trong nhiều cơ hội, họ đã quan hệ cầu nguyện rất lâu.

Tôi không muốn ai nghĩ rằng phải lấy đồng hồ mà lường giá trị sự cầu nguyện, nhưng mục đích của tôi là ghi khắc trên trí óc chúng ta sự cần yếu phải để nhiều thì giờ ở riêng với Đức Chúa Trời, và nếu đức tin chúng ta không có đặc điểm ấy thì chỉ là đức tin yếu đuối và nông cạn.

Những người đã rất hoàn toàn chứng minh Đấng Christ trong tâm tánh của mình và đã vì Ngài mà có ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến thế gian, đều là những người biệt riêng nhiều thì giờ ở với Đức Chúa Trời, và lấy đó làm đặc điểm cốt yếu của đời sống mình. Ông Charles Simeon buổi sáng nào cũng châu trước mặt Đức Chúa Trời từ bốn giờ đến tám giờ. Ông Wesley mỗi ngày để hai giờ cầu nguyện, và bắt đầu từ bốn giờ sáng. Một người quen biết ông rất thân đã viết về ông rằng: “Ông cho cầu nguyện là công việc của mình hơn bất cứ sự gì khác, và tôi từng thấy ông từ phòng riêng bước ra với một vẻ mặt êm tịnh, gần như sáng ngời”.

Ông John Fletcher đã in vết trên tường phòng mình do hơi thở của những lời ông cầu nguyện. Có khi ông cầu nguyện suốt đêm; ông luôn luôn cầu nguyện, thường thường cầu nguyện, và hết sức sốt sắng cầu nguyện. Cả đời ông là một đời cầu nguyện. Ông nói rằng: “Nếu chưa hướng tâm lên Đức Chúa Trời, thì tôi chưa đứng dậy khỏi ghé ngò”. Ông luôn luôn chào bạn hữu rằng: “Tôi có gặp

ông đang cầu nguyện chẳng?” Ông Luther nói rằng: “Nếu mỗi buổi sáng tôi không để đủ hai giờ cầu nguyện, thì ma-qui sẽ thắng trận suốt ngày. Tôi bận nhiều việc quá, nếu không cầu nguyện mỗi ngày ba giờ, thì không sao tiến bước được”. Ông dùng khẩu hiệu này: “Ai đã cầu nguyện cẩn thận, thì cũng đã nghiên cứu cẩn thận”.

Tổng Giám Mục Leighton biệt riêng nhiều thì giờ ở với Đức Chúa Trời đến nỗi ông dường như ở tình trạng suy giảm vĩnh viễn. Người chép tiểu sử của ông viết rằng: “Cầu nguyện và ngợi khen Chúa là công việc và nguồn vui thích của ông”. Giám Mục Kent ở cùng Đức Chúa Trời rất nhiều đến nỗi người ta nói rằng linh hồn ông được Đức Chúa Trời thu hút. Mỗi buổi sáng, trước khi đồng hồ điểm ba giờ, thì ông đã ở với Đức Chúa Trời rồi. Giám Mục Asbury nói rằng: “Tôi định mỗi khi có thể được, thì thức dậy bốn giờ sáng và cầu nguyện, suy gẫm suốt hai giờ đồng hồ”. Samuel Rutherford, mà hiện nay còn hương vị tin kính của ông, vẫn thức dậy lúc ba giờ sáng để cầu nguyện gặp Đức Chúa Trời. Ông Joseph Alleine thức dậy lúc bốn giờ sáng để “làm nghề cầu nguyện cho đến tám giờ”. Nếu ông nghe nói những nhà buôn khác làm việc trước khi mình thức dậy, thì ông kêu lên rằng: “Ôi! Điều này làm cho tôi xấu hổ biết bao! Chúa của tôi há chẳng có giá trị hơn chúa của họ sao?” Ai đã học thạo “nghề” này, thì sẽ được tùy ý “lãnh tiền” với sự thỏa thuận của ngân hàng Thiên Thượng vô tận.

Một nhà Truyền Đạo thánh khiết nhưt và có ân tứ nhưt xứ Tô-cách-lan, có nói rằng: *“Tôi cần phải biệt riêng những giờ tốt nhưt để thông công với Đức Chúa Trời. Đó là công việc cao quý và kết quả hơn hết của tôi, không nên quăng bỏ nó vào một xô nhà. Buổi sáng sớm từ sáu đến tám giờ, là những giờ không bị gián đoạn chi hết và đáng phải sử dụng như vậy. Sau lúc uống nước trà 3 giờ chiều là thì giờ tốt nhất của tôi, và đáng phải long trọng dâng hiến cho Đức Chúa Trời. Tôi không được bỏ thói quen cũ và tốt, tức là cầu nguyện trước khi đi ngủ, nhưng phải coi chừng, chớ ngủ gục. Khi tôi thức giấc lúc đêm khuya, thì tôi phải nhòm dậy mà cầu nguyện. Sau bữa ăn lót dạ, chúng ta cũng nên để ít thì giờ cầu thay cho kẻ khác”*. Đó là chương trình cầu nguyện của Robert McCheyne, đoàn thiết đảo của Hội Thánh Giám Lý (Methodiste) đáng ghi nhớ kia thật làm cho chúng ta hổ thẹn. Đây là thời khóa biểu của họ: *“Từ bốn đến năm giờ sáng, cầu nguyện riêng; Từ năm đến sáu giờ chiều, lại cầu nguyện riêng”*.

John Welch, nhà Truyền Đạo thánh khiết và kỳ diệu của xứ Tô-cách-lan, nghĩ rằng nếu ngày nào ông không để tám hoặc mười giờ cầu nguyện, thì ngày ấy đã bị bỏ phí. Ông có sẵn một cái mền để ban đêm thức dậy, thì choàng ngay vào mình mà cầu nguyện. Khi thấy ông nằm dưới đất mà khóc lóc, thì bà vợ thường than phiền, nhưng ông đáp rằng: “Ôi! Minh ơi! Tôi phải chịu trách nhiệm về ba ngàn linh hồn, và tôi không biết bao nhiêu người trong số đó đang gặp tình cảnh nào!”

CHƯƠNG THỨ TÁM

TÁM GƯƠNG CỦA NHỮNG NGƯỜI CẦU NGUYỆN

Cầu nguyện chính là năng lực cao siêu hơn hết mà tâm trí loài người có thể phát lộ; Cầu nguyện nghĩa là tập trung tất cả khả năng. Khối lượng những người ham mê thể gian và những người học thức đều tuyệt đối không thể cầu nguyện.

- COLERIDGE

Giám Mục Wilson nói rằng: “Trong cuốn nhật ký của H. Martyn, những điểm đầu tiên đánh mạnh vào trí óc tôi là tinh thần cầu nguyện, khoảng thì giờ ông biệt riêng cho phận sự ấy và lòng sốt sắng ông đem vào phận sự ấy”.

Ông Payson thường quỳ gối rất lâu trên sàn gỗ cứng, đến nỗi sàn lõm xuống. Người chép tiểu sử ông viết rằng: “Bất cứ ở trong cảnh ngộ nào, sự luôn luôn khẩn cấp cầu nguyện của ông cũng là điểm

đáng chú ý nhất trong lịch sử ông. Nó nêu rõ bốn phần của mọi người muốn ganh đua cho được cao siêu bằng ông. Ta chắc phải cho rằng một phần lớn sự thành công vẻ vang gần như không dứt của ông là do ông đã cầu nguyện sốt sắng, bền đỗ.

Hầu tước Derenty coi Đấng Christ là quý báu hơn hết; Có lần cầu nguyện thông công với Đức Chúa Trời, ông truyền lệnh cho đầy tớ đợi hết nửa giờ hãy gọi mình. Lúc đó anh ta nhìn thấy mặt ông qua một chỗ hở. Mặt ông hiện rõ sự thánh khiết cao siêu đến nỗi anh không muốn gọi ông. Mối ông mấp máy, nhưng ông hoàn toàn yên lặng. Anh chờ đợi cho đến hết ba giờ, rồi gọi ông. Bảy giờ ông đứng dậy và nói rằng đang khi ông thông công với Đấng Christ, thì nửa giờ ngắn ngủi quá!

Ông Brainerd nói rằng: “Tôi thích ở một mình trong lều tranh, vì tại đó tôi có thể để nhiều thì giờ cầu nguyện”.

Ông William Crownwell nổi tiếng trong lịch sử Hội Thánh Giám Lý vì có một đời sống thánh khiết, được thành công lạ lùng khi giảng dạy, và được Đức Chúa Trời đáp lời cầu nguyện một cách diệu kỳ. Mỗi lần ông cầu nguyện suốt mấy giờ. Ông đi truyền đạo lưu hành như một ngọn lửa. Lửa bùng cháy trong thì giờ ông cầu nguyện. Khi ở nơi vắng vẻ, ông thường cầu nguyện một mạch bốn giờ đồng hồ.

Hằng ngày Giám Mục Andrews biệt riêng năm giờ đồng hồ để cầu nguyện và thờ phượng Chúa.

Huân Tước Henry Havelock luôn luôn biệt riêng hai giờ mỗi ngày để ở riêng với Đức Chúa Trời. Nếu phải tập trung quân đội lúc sáu giờ sáng, thì ông thức dậy lúc bốn giờ.

Hầu Tước Cairus ngày nào cũng thức dậy lúc sáu giờ sáng để có một giờ rưỡi nghiên cứu Kinh Thánh và cầu nguyện. Sau đó, lúc tám giờ mười lăm ông chủ tọa cuộc gia đình lễ bái.

Sự thành công của Tán Sĩ Judson trong khi cầu nguyện là do ông biệt riêng nhiều thì giờ cầu nguyện. Về điểm này, ông nói rằng: *“Nếu được, hãy sắp đặt công việc hầu cho có thể thư thái biệt riêng hai ba giờ mỗi ngày, hoặc hơn nữa; chẳng những để hành*

đạo, song cũng để cầu nguyện kín nhiệm và thông công với Đức Chúa Trời. Mỗi ngày bảy lần, hãy cố gắng tạm gác công việc và bạn bè, lui vào nơi riêng mà nâng linh hồn hướng về Đức Chúa Trời. Hãy bắt đầu một ngày như thế này: Thức dậy sau nửa đêm, và để ít thì giờ cho công việc thiêng liêng này giữa sự yên lặng và tối tăm của canh khuya. Cũng hãy làm công việc ấy lúc trời mới hừng đông, lúc chín giờ sáng, mười hai giờ trưa, ba và sáu giờ chiều, chín giờ tối. Vì có Đức Chúa Trời, hãy quyết định làm như vậy. Hãy hy sinh mọi sự có thể hy sinh để giữ theo lệ ấy. Hãy nghĩ rằng thì giờ của anh ngắn ngủi, và không nên để công việc, bạn bè cướp mất Đức Chúa Trời của mình”.

Chúng ta nói rằng: “Không thể được, đó là những lời khuyên cuồng tín!” Nhưng Tán Sĩ Judson đã đem ảnh hưởng của Đấng Christ đến một đế quốc, đã đặt nền tảng Nước Đức Chúa Trời bằng đá hoa cương bất diệt ở trung tâm nước Diên Điện. Ông đã thành công, và là một trong số ít người đã gieo rắc ảnh hưởng mạnh mẽ của Đấng Christ trên thế giới. Nhiều người có khả năng, thiên tài trời hơn ông, nhưng đều không có ảnh hưởng lớn lao như vậy. Công việc truyền đạo của họ ví như bước chơn trên bãi cát, nhưng ông Judson đã ghi khắc công việc của mình trên đá cứng. Bí quyết làm cho nó sâu nhiệm và bền vững chính là vì ông đã biệt riêng nhiều thì giờ cầu nguyện. Ông dùng lời cầu nguyện mà nung sắt đỏ luôn, và tài khéo của Đức Chúa Trời đã dùng quyền phép bền vững mà nắn hình sắt ấy. Nếu không chuyên cần cầu nguyện, thì chẳng ai làm được công việc lớn lao, bền vững cho Đức Chúa Trời. Và nếu không biệt riêng nhiều thì giờ cầu nguyện, thì chẳng ai trở nên người chuyên cần cầu nguyện được.

Có thật rằng cầu nguyện chỉ là làm theo thói quen một cách buồn tẻ và máy móc chẳng? Cầu nguyện có phải là một hành động mà chúng ta được huấn luyện cho đến khi những yếu tố chính của nó là lạt lẽo, ngắn ngủi và nông cạn chẳng? “Có thật rằng theo như người ta phỏng đoán, cầu nguyện gần giống như tình cảm bán bị động, uể oải dộc ra suốt những phút hoặc những giờ mơ mộng nhẹ nhàng chẳng?” - Ông Canon Liddon nói tiếp: “Những ai thật đã cầu nguyện xin hãy trả lời. Họ thường viện dẫn vị tộc trưởng Giacóp mà mô tả sự cầu nguyện là vật lộn với một Quyền lực vô hình, - trong một cuộc đời sốt sắng. Quyền lực ấy luôn luôn còn đến đêm khuya, hoặc luôn cả đến lúc hừng đông nữa. Có khi họ viện

dẫn Phao-lô mà giải luận sự cầu thay thông thường là một cuộc giao tranh cộng đồng. Khi cầu nguyện, họ chăm chú nhìn vào Đấng cầu thay cao trọng trong vườn Ghết-sê-ma-nê, vào những giọt huyết rơi xuống đất trong con Ngài đau thương thống thiết vì cam chịu và hy sinh.

Quấy rầy là một phần yếu tố của sự cầu nguyện có kết quả. Chính là đặc biệt bởi sự cầu nguyện mà “Nước Thiên Đàng bị hãm ép đó choán lấy” (Ma-thi-ơ 11:12). Giám Mục Hamilton (đã quá cố) nói rằng: “Chẳng ai có thể kết quả nhiều trong sự cầu nguyện nếu thoạt tiên không coi sự cầu nguyện là một công việc mình phải được dự bị để làm trọn, và phải bền đỗ để theo đuổi với tất cả sự sốt sắng mà ta sẵn có khi xem xét những vấn đề mình cho là vừa hào hứng hơn hết, vừa cần thiết hơn hết”.

CHƯƠNG THỨ CHÍN

BƯỚC VÀO MỘT NGÀY VỚI SỰ CẦU NGUYỆN

Tôi phải cầu nguyện trước khi thấy mặt bất cứ người nào. Thường khi tôi ngủ lâu, hoặc gặp ai lúc sáng sớm, thì đến mười một hoặc mười hai giờ trưa, tôi mới bắt đầu cầu nguyện kín nhiệm. Đó là một phương thức khổ hèn, nó không đúng theo Kinh Thánh. Đấng Christ thức dậy trước khi hừng đông và “đi vào nơi vắng vẻ” (Mác 1:35). Đa-vít nói rằng: “Vừa sáng, tôi tìm cầu Chúa” (Thi-thiên 63:1) và “Buổi sáng Ngài sẽ nghe tiếng tôi” (Thi-thiên 5:3). Sự cầu nguyện ở gia đình mất gần hết quyền phép cùng sự dịu dàng, và tôi không thể giúp ích cho những ai đến tìm phước nơi tôi.. Lương tâm cảm thấy má tôi, linh hồn không được nuôi nấng, và ngọn đèn không được sửa soạn. Vậy, khi cầu nguyện kín nhiệm, thì linh hồn thường không ăn nhịp. Tôi cảm thấy rằng nếu bắt đầu một ngày với Đức Chúa Trời, nếu thấy Ngài trước, nếu đưa linh hồn tôi đến gần Ngài trước khi đến gần người khác, thì tốt hơn nhiều.

- ROBERT MURRAY McCHEYNE

phép cùng sự dịu dàng, và tôi không thể giúp ích cho những ai đến tìm phước nơi tôi. Lương tâm cảm thấy mắc tội, linh hồn không được nuôi nấng, và ngọn đèn không được sửa soạn. Vậy, khi cầu nguyện kín nhiệm, thì linh hồn thường không ăn nhịp. Tôi cảm thấy rằng nếu bắt đầu một ngày với Đức Chúa Trời, nếu thấy Ngài trước, nếu đưa linh hồn tôi đến gần Ngài trước khi đến gần người khác, thì tốt hơn nhiều.

- ROBERT MURRAY McCHEYNE

Những người nào làm việc nhiều nhứt cho Đức Chúa Trời trong thế gian này đều đã quỳ gối cầu nguyện lúc sáng sớm. Ai bỏ thì giờ, cơ hội thuận tiện và tính chất tươi mới của lúc sáng sớm để làm những công việc khác, chớ không phải để tìm kiếm Đức Chúa Trời, thì suốt cả ngày khó lần tìm thấy Ngài. Nếu Đức Chúa Trời không đứng đầu hàng trong tư tưởng và sự cố gắng của chúng ta trong buổi sáng, thì Ngài sẽ đứng cuối hàng suốt cả ngày đó.

Ở đằng sau sự thức dậy và cầu nguyện sớm này, còn có sự nóng nảy ước ao thúc đẩy chúng ta đuổi theo Đức Chúa Trời. Trễ nài buổi sáng chính là dấu hiệu của một tấm lòng trễ nài. Tấm lòng nào chậm trễ tìm kiếm Đức Chúa Trời sáng sớm, thì không còn ham thích Đức Chúa Trời nữa. Lòng Đa-vít sốt sắng tìm kiếm Đức Chúa Trời. Ông đói khát Đức Chúa Trời, nên đã tìm kiếm Ngài lúc sáng sớm trước khi hừng đông. Giường nằm và giấc ngủ không thể xiềng xích linh hồn ông vốn sốt sắng tìm kiếm Đức Chúa Trời. Đấng Christ nóng nảy mong ước thông công với Đức Chúa Trời. Vậy nên Ngài dậy sớm lâu lắm trước khi mặt trời mọc, và đi lên núi mà cầu nguyện. Khi các Môn đồ thức dậy hẳn, và xấu hổ vì chiều theo sự ham ngủ, thì họ muốn biết phải tìm thấy Ngài ở đâu. Chúng ta có thể đọc suốt danh sách những người đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến thế gian cho Đức Chúa Trời, và sẽ thấy họ đều tìm kiếm Đức Chúa Trời lúc sáng sớm.

Lòng mong ước Đức Chúa Trời mà không thể bẻ tan xiềng xích của giấc ngủ, thì sau khi ngủ dậy giấc, chỉ là một điểm yếu đuối, giúp ích cho Đức Chúa Trời rất ít. Lòng mong ước Đức Chúa Trời mà ở lại rất xa sau ma qui và thế gian lúc sáng sớm, thì sẽ không bao giờ đuổi kịp chúng.

Không phải chỉ thức dậy sớm mà người ta đã lên được hàng đầu và trở nên các Đại Tướng trong đạo quân Đức Chúa Trời, nhưng chính là nhờ lòng mong ước nhiệt liệt thúc đẩy họ và bẻ tan hết thầy xiềng xích chiều theo tư dục. Nhưng sự thức dậy sớm mở cửa, tăng thêm và truyền sức cho lòng mong ước. Nếu họ cứ nằm trên giường mà ngủ vùi, thì lòng mong ước sẽ bị dập tắt. Lòng mong ước đánh thức họ dậy và thúc đẩy họ đi tìm kiếm Đức Chúa Trời. Vì chú ý và làm theo tiếng kêu gọi như vậy, nên đức tin họ nắm được Đức Chúa Trời, và lòng họ được sự khả thi dịu dàng, đầy đủ hơn hết về Đức Chúa Trời. Đức tin mạnh mẽ cùng sự khả thi đầy đủ nó khiến họ trở nên những bậc thánh siêu việt; hào quang thánh khiết của họ chiếu xuống chúng ta, và ta được hưởng lấy sự vui thỏa do chiến thắng của họ. Nhưng chúng ta chỉ hưởng thụ hết mà chẳng sản xuất chi. Chúng ta xây mồ mã và khắc mộ chí cho họ, nhưng lại cẩn thận không noi theo gương họ.

Chúng ta cần có một thể hệ những ông Truyền Đạo biết tìm kiếm Đức Chúa Trời và tìm kiếm Ngài lúc sáng sớm, biết dâng sự cố gắng tươi mới như giọt sương cho Đức Chúa Trời để bù lại, nhận được quyền phép tươi mới và đầy dẫy của Ngài, ngõ hầu đối với họ, Ngài sẽ như sương móc, đầy vui sướng và sức mạnh suốt cả ngày nóng bức và làm lụng khó nhọc. Tội lỗi to lớn của chúng ta là xao lãng không tìm kiếm Đức Chúa Trời. Con cái đời này còn khôn ngoan hơn chúng ta nhiều. Họ lo làm việc từ sáng sớm đến tối mịt. Chúng ta không tìm kiếm Đức Chúa Trời một cách sốt sắng và chuyên cần. Ai không nôn nả đuổi theo Đức Chúa Trời, thì không thể nắm lấy Ngài được; không một linh hồn nào nôn nả đuổi theo Đức Chúa Trời mà lại không tìm kiếm Ngài lúc sáng sớm.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

CẦU NGUYỆN VÀ THỰC HÀNH TIN KÍNH LIÊN HIỆP VỚI NHAU

Ông Mục Sư thời nay thiếu ảnh hưởng thiêng liêng là rõ ràng lắm. Tôi cảm biết như vậy trong chính trường hợp của tôi, và tôi cũng thấy như vậy trong trường hợp nhiều người khác. Tôi sợ rằng giữa vòng chúng ta có một tâm trạng quá thấp kém, quá mưu toan, quá cố gắng và quá vận động. Chúng ta hiện mình thái quá để làm thỏa mãn sở thích của người này và thành kiến của người kia. Chức vụ Mục Sư là một công việc trọng đại và thánh khiết; Để làm chức vụ ấy, chúng ta phải có một thói quen giản dị, một sự thân nhiên thánh khiết, nhưng khiêm cung đối với mọi kết quả. Khuyết điểm chánh yếu của các Mục Sư là thiếu thói quen thực hành tin kính.

- RICHARD CECIL

Chưa bao giờ chúng ta cần những người nam và nữ thánh khiết như bây giờ; sự đòi hỏi có các ông Truyền Đạo thánh khiết và tận tụy vì Đức Chúa Trời lại còn khẩn cấp hơn nữa. Thế giới đi những bước khổng lồ. Quỷ Sa-tan nắm chặt và cai trị thế giới; nó cố sức hoạt động để làm cho mọi phong trào thế giới phụng sự các mục đích của nó. Đạo phải làm công việc tốt nhất của Đạo, phải trình bày những kiểu mẫu đẹp đẽ và hoàn toàn hơn hết. Bằng mọi cách, các bậc thánh đời nay phải được kích thích bởi những lý tưởng cao siêu hơn hết và những khả năng lớn lao hơn hết bởi Đức Thánh Linh.

Phao-lô đã sống trên đầu gối, ngõ hầu Hội Thánh Ê-phê-sô lường biết bề cao, bề rộng, bề sâu của một bậc thánh khiết vô biên và “được đầy dẫy mọi sự đầy đủ của Đức Chúa Trời” (Ê-phê-sô 3:18-19). Ê-pháp-ra đã tự dốc đổ trong sự cầu nguyện sốt sắng, chẳng khác gì một công việc làm cho kiệt lực, và một cuộc tranh đấu

quyết liệt, ngõ hầu Hội Thánh Cô-lô-se “được tin chắc đầy đủ mà đứng trọn vẹn trong cả ý chỉ của Đức Chúa Trời” (Cô-lô-se 4:12). Ở khắp mọi nơi, mọi việc trong thời đại các Sứ Đồ đều là gắng vó hầu cho con cái Đức Chúa Trời “thấy đều hiệp một trong đức tin và trong sự hiểu biết Con Đức Chúa Trời, mà nên bậc thành nhơn, tầm thước vóc giạc trọn vẹn của Đấng Christ” (Ê-phê-sô 4:13). Không có phần thưởng nào ban cho những người tí hon; không có gì khuyến khích những người già mà đòi thiêng liêng vẫn còn con đỏ. Con đỏ phải lớn lên; người già phải sanh trái lúc tuổi già, phải béo tốt và tươi khỏe, chớ không nên yếu đuối và mang tật nguyên. Điểm thiêng liêng nhứt của Đạo chính là những ông và những bà thánh khiết.

Không có một số tiền bạc, một bậc thiên tài hoặc văn hóa nào có thể làm chuyển động tình thể cho Đức Chúa Trời. Sự thánh khiết làm cho linh hồn mạnh mẽ, cả con người bùng cháy vì yêu thương, vì mong ước thêm đức tin, thêm cầu nguyện, thêm sốt sắng, thêm dâng mình, - đó là bí quyết của quyền phép. Chúng ta cần có và phải có những sự ấy, và người ta phải là hiện thân của sự tận tụy do Đức Chúa Trời làm cho bùng cháy. Bước tiến của Đức Chúa Trời bị dừng lại, chánh nghĩa của Ngài bị “què”, Danh Ngài bị nhục mạ chính vì thiếu thốn những sự kiện trên đây. Thiên tài (dầu cao siêu và xuất sắc hơn hết), giáo dục (dầu học thức và trang nhã hơn hết), địa vị, phẩm cách, tên tuổi được tôn trọng, và các phẩm trật cao trong Giáo Hội, đều không thể làm chuyển động chiếc xe này của Đức Chúa Trời chúng ta. *Đây là một xe bốc lửa, và chỉ những sức mạnh bốc lửa mới làm chuyển động nó được.*

Thiên tài của Milton đã thất bại. Sức mạnh phi thường của Leo cũng thất bại. Tinh thần của Brainerd làm cho nó chuyển động được. Tinh thần của Brainerd bùng cháy vì Đức Chúa Trời, bùng cháy vì linh hồn người ta, không có gì phạm tục, trần gian, ích kỷ đã xen vào để làm giảm bớt sức mạnh và ngọn lửa thúc đẩy tiêu nướat mọi sự này.

Cầu nguyện tạo nên cũng như lan truyền sự tin kính. Tinh thần tin kính là tinh thần cầu nguyện. Cầu nguyện và sùng kính liên hiệp với nhau như linh hồn với thân thể, như sự sống với trái tim. Nếu không có sùng kính, thì không có cầu nguyện thật; Và nếu không cầu nguyện, thì cũng không có sùng kính. Ông Truyền Đạo phải

đầu phục Đức Chúa Trời trong sự sùng kính thánh khiết hơn hết. Ông không phải là một người nhà nghề, chức vụ của ông không phải là một nghề nghiệp; nó do Đức Chúa Trời thiết lập và là sự sùng kính, tận tụy với Đức Chúa Trời. Ông tận tụy với Đức Chúa Trời. Mục đích và dục vọng của ông là vì Đức Chúa Trời và hướng về Đức Chúa Trời. Sự cầu nguyện là cần thiết cho chức vụ ấy cũng như đồ ăn cần thiết cho mạng sống vậy.

Trên mọi sự khác, ông Truyền Đạo phải tận tụy với Đức Chúa Trời. Các mối liên quan của ông Truyền Đạo với Đức Chúa Trời phải là phù hiệu và ủy nhiệm thư của chức vụ ông. Các mối liên quan này phải rõ ràng, dứt khoát, minh bạch, không thể nào lầm lẫn. Ông không nên có một thứ tin kính thông thường, nông cạn. Nếu ông không ưu tú trong ân điển, thì sẽ chẳng ưu tú chi hết. Nếu ông không giảng dạy bằng đời sống, tâm tánh, hành vi, thì ông không giảng dạy chi hết. Nếu sự tin kính của ông nhẹ bồng, thì dầu lời giảng dạy của ông êm ái, dịu dàng như âm nhạc và xuất sắc như A-bô-lô, nó cũng chỉ nhẹ như lông cánh chim, chập chờn và trôi nổi như mây buổi sáng hoặc sương móc lúc sớm mai.

Trong tâm tánh và hành vi của ông Truyền Đạo, không gì có thể thay thế sự tận tụy với Đức Chúa Trời. Tận tụy với một Hội Thánh, với dư luận, với một tổ chức, với chánh giáo, - mọi sự đó chỉ là nhỏ nhen, sai lạc và hư không một khi nó thành ra nguồn soi dẫn và sanh lực của một sự kêu gọi. Đức Chúa Trời phải là động lực chính trong sự cố gắng của ông Truyền Đạo, là nguồn suối và mũ triều thiên cho tất cả công khó của ông. Danh hiệu và vinh dự của Đức Chúa Jê-sus-Christ, sự tấn bộ của chánh nghĩa Ngài, phải là mọi sự trong mọi sự. Ông Truyền Đạo không nên có sự soi dẫn nào khác ngoài ra Danh của Đức Chúa Jê-sus-Christ, không nên có dục vọng nào khác ngoài ra làm cho Ngài được tôn vinh, không nên làm việc chi khác ngoài ra làm việc cho Ngài. . Như vậy, cầu nguyện sẽ là nguồn soi sáng cho ông, là phương pháp để tấn tới không ngừng, là vật đo lường sự thành công của ông. Mục đích vĩnh viễn và ước vọng duy nhất mà ông Truyền Đạo có thể ham quý chính là có Đức Chúa Trời ở với mình.

Hơn bao giờ hết, trong thời đại này, chánh nghĩa của Đức Chúa Trời cần những chứng minh hoàn toàn về các khả năng của sự cầu nguyện. Không thời đại nào, không người nào sẽ làm gương chứng

minh cho quyền phép của Đạo Tin Lành, trừ ra những thời đại hoặc những người chuyên cầu nguyện sâu nhiệm và sốt sắng. Một thời kỳ không có sự cầu nguyện thì sẽ chỉ có những gương mẫu kém sút về quyền phép Đức Chúa Trời. Những tấm lòng không cầu nguyện sẽ không bao giờ bay bổng tới đỉnh cao siêu này được. Có thể là một thời kỳ tốt đẹp hơn quá khứ, nhưng có điểm khác xa vô cùng giữa cải thiện một thời đại bởi sức mạnh của nền văn minh đang tân triển, và cải thiện một thời đại bởi gia tăng bậc thánh khiết cùng sự giống như Đấng Christ do sức mạnh của cầu nguyện. Khi Đấng Christ hiện đến, thì dân Do-thái tốt hơn các thời đại trước nhiều. Ấy là hoàng kim thời đại trong đạo Pha-ri-si của họ. Thời đại hoàng kim của tôn giáo họ đã đóng đỉnh Đấng Christ vào Thập Tự Giá. Không bao giờ cầu nguyện thêm, không bao giờ cầu nguyện kém; không bao giờ dâng tế lễ thêm, không bao giờ dâng tế lễ kém; không bao giờ bớt thờ lạy hình tượng, không bao giờ thêm thờ lạy hình tượng; không bao giờ thêm cuộc thờ phượng trong Đền thờ, không bao giờ bớt cuộc thờ phượng Đức Chúa Trời; không bao giờ thêm sự hầu việc bằng môi miệng, không bao giờ bớt sự hầu việc bằng tấm lòng (Đức Chúa Trời được thờ phượng bằng môi miệng của những kẻ mà tấm lòng và bàn tay đã đóng đỉnh Con Ngài vào Thập Tự Giá!); không bao giờ thêm số những người đến Đền thờ, không bao giờ bớt số các thánh đồ.

Chính năng lực của sự cầu nguyện tạo nên các thánh đồ. Các tâm tánh thánh khiết được tạo nên bởi quyền phép của sự cầu nguyện thật. Càng có thánh đồ thật, thì càng có cầu nguyện, càng có cầu nguyện thì càng có thánh đồ thật.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

MỘT TẤM GƯƠNG TIN KÍNH

Tôi hết sức nài khuyên anh em hãy thông công với Đấng Christ, càng ngày càng thông công với Đấng Christ. Trong Đấng Christ có những bức màn (mà chúng ta chưa bao giờ thấy) cần phải cất bỏ, và có những nếp mới mẻ về lòng yêu thương của Ngài. Tôi tuyệt vọng, không tưởng mình sẽ thắng tới đâu xa của lòng yêu thương kia, vì trong đó có biết bao lối quanh quất. Vậy, anh em hãy đào sâu, hãy đổ mồ hôi và làm lụng, hãy chịu khó nhọc vì cơ Ngài, và mỗi ngày hãy hết sức biệt riêng nhiều thì giờ cho Ngài. Anh em sẽ chiếm được Ngài trong công việc gắng gỏi.

- RUTHERFORD

ĐỨC CHÚA TRỜI hiện có và đã có nhiều ông Truyền Đạo tận tụy, chuyên cần cầu nguyện, - tức là những người mà trong cuộc đời họ, cầu nguyện là một sức mạnh mẽ, rõ rệt và kiểm soát mọi sự. Thế giới đã cảm thấy quyền phép của Đức Chúa Trời trong họ. Chánh nghĩa của Đức Chúa Trời đã tấn tới mạnh mẽ và mau chóng bởi lời cầu nguyện của họ; Sự thánh khiết đã chói lòa trong tâm tánh họ, phát ra hào quang của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời đã tìm được một trong những người Ngài đang tìm kiếm: Ấy là David Brainerd mà công việc và tên tuổi đã được ghi trong sử ký. Ông không phải là người thường, nhưng có thể chói sáng ở bất cứ đoàn thể nào; ông là bậc vô song trong những người khôn ngoan và thiên tài, tuyệt đối xứng hợp để đứng trên tòa giảng hấp dẫn hơn hết. Và để hoạt động giữa những người trang nhã và có văn hóa hơn hết, họ vẫn lo cho ông được làm Mục Sư của mình. Tổng Thống Edwards làm chứng Brainerd là “*Một thanh niên có tài năng xuất sắc, hiểu biết người và vật cách phi thường, có sức mạnh hiếm lạ khi đàm thoại, có kiến thức Thần Học rất cao. Một người trẻ tuổi như vậy thật là một nhà Thần Học phi thường, nhưt*

là trong mọi vấn đề liên quan với tôn giáo thực nghiệm. Đương thời ông, tôi không hề biết ai sánh ngang với ông và làm tiêu biểu cho những ý niệm rõ ràng, đúng đắn về cõi thiên nhiên và cho tinh túy của Đạo thật. Cách ông cầu nguyện thì hầu như không ai bắt chước được, tôi ít khi thấy ai sánh kịp. Ông có học thức uyên bác, và có những ân tứ phi thường để giảng dạy”.

Trong sử ký thể gian không có chép truyện nào diệu kỳ hơn truyện David Brainerd; Không có phép lạ nào làm chứng về lẽ thật của Đạo Đấng Christ một cách mạnh mẽ, thiêng liêng hơn là đời sống và công việc của một con người như vậy.

Ông ở một mình trong các vùng quạnh hiu, mọi rợ của Mỹ Châu, ngày đêm chiến đấu với bệnh tật chí tử; ông chưa từng được huấn luyện trong nghề chăn nuôi linh hồn và gần như luôn luôn tiếp xúc với dân Da Đỏ, để nhờ môi giới chấp choạng của một anh thông ngôn ngoại Đạo. Ông có Lời của Đức Chúa Trời trong lòng và trong tay, còn linh hồn ông thì bùng cháy vì lửa của Đức Chúa Trời. Ông có một chỗ và một thì giờ để dốc đổ linh hồn trước mặt Đức Chúa Trời bằng lời cầu nguyện. Như vậy, ông đã hoàn toàn thiết lập cuộc thờ phượng Đức Chúa Trời và nhận được mọi kết quả tối huệ do cuộc thờ phượng ấy. Người Da Đỏ đã được biến đổi lạ lùng, từ tình trạng mê muội thấp thỏi hơn hết của đạo thờ phượng ngu dốt và bại hoại, họ đổi thành những tín đồ trong sạch, sùng kính và thông minh của Đấng Christ. Mọi thói hư nét xấu đã được cải cách, họ lập tức nhận lấy và làm theo nghi lễ của Đạo Đấng Christ. Cuộc gia đình lễ bái được thiết lập, và Chúa Nhật cũng được thiết lập, được vâng giữ để thờ phượng Đức Chúa Trời. Các vẻ đẹp bên trong của Đạo được bày tỏ với một sự dịu dàng và sức mạnh càng ngày càng thêm. Ta thấy lời giải thích này trong chính David Brainerd, - không phải trong các tình trạng hoặc biến cố, nhưng trong chính con người Brainerd.

Ông là người của Đức Chúa Trời, ông tận tụy vì Đức Chúa Trời trước hết, sau hết và luôn luôn. Đức chúa Trời có thể tràn qua ông, không bị ngăn trở gì. Ân điển toàn năng không bị cản lại hoặc bị hạn chế bởi tâm trạng ông. Tất cả cái “cồng” đã được mở rộng và rửa sạch để cho sự sống của Đức Chúa Trời tràn qua một cách đầy đủ, mạnh mẽ hơn hết, cho nên Đức Chúa Trời với tất cả sức lực toàn năng của Ngài đã có thể đổ trên đồng vắng tuyệt vọng, mọi rợ

và biến đổi nó thành khu vườn của Ngài, trở bông và kết quả. Ấy vì nếu Đức Chúa Trời tìm thấy đúng người Ngài có thể dùng làm việc, thì không có việc gì khó quá cho Ngài.

Brainerd đã sống một đời thánh khiết và cầu nguyện. Cuốn nhật ký của ông dày đặc và buồn tẻ, vì chỉ chép toàn những lúc ông kiêng ăn, suy gẫm và ở nơi vắng vẻ. Hằng ngày ông đề nhiều thì giờ cầu nguyện riêng. Ông nói rằng: “Khi tôi trở về nhà, chuyên tâm suy gẫm, cầu nguyện và kiêng ăn, thì linh hồn tôi mong ước được khổ hạnh, từ bỏ mình, khiêm cung, và phân rẽ với mọi sự đời này”. Ông lại nói: “Tôi không có gì liên quan với trái đất, nhưng chỉ phải làm việc ở trái đất một cách lương thiện cho Đức Chúa Trời. Tôi không thích sống một giây phút nào cho bất cứ sự gì mà trái đất (hoặc trần gian) có thể cống hiến”. Ông cầu nguyện theo lý tưởng cao siêu đó. Ông nói tiếp: “Vì cảm thấy đôi chút sự êm dịu do thông công với Đức Chúa Trời và sức mạnh ép buộc của lòng yêu thương Ngài, lại vì cảm thấy lòng yêu thương Ngài chinh phục linh hồn và khiến mọi sự ước mong, trù mến chuyên chú cả vào Ngài một cách kỳ diệu dường nào, nên tôi đã biệt riêng ngày hôm nay để kiêng ăn và cầu nguyện kín nhiệm, để khẩn nài Đức Chúa Trời dẫn dắt và ban phước cho tôi, ngõ hầu làm trọn công cuộc lớn lao mà tôi theo đuổi, tức là rao truyền Tin Lành, và được Chúa quay về với mình cùng chỉ cho mình thấy ánh sáng mặt Ngài. Khoảng mười một giờ sáng, tôi có ít sự sống và quyền phép. Gần giữa buổi chiều, Đức Chúa Trời khiến tôi có thể chiến đấu sốt sắng trong sự cầu thay cho những bạn vắng mặt; Nhưng đến nửa đêm, Chúa đã thăm viếng tôi một cách lạ lùng trong sự cầu nguyện. Tôi nghĩ trước kia linh hồn mình không hề ở trong tình trạng “hấp hối” như vậy. Tôi cảm thấy không có một sự hạn chế nào, vì các kho tàng ân điển của Đức Chúa Trời đã mở rộng cho tôi. Tôi chiến đấu cho những bạn hữu vắng mặt, cho mùa gặt linh hồn, cho muôn vạn linh hồn khôn cực, và cho nhiều người mà tôi tưởng là con cái Đức Chúa Trời. Tôi ở trong tình trạng “hấp hối” từ lúc trưa cho tới gần tối, đến nỗi đầm cả mồ hôi, nhưng tôi tưởng mình đã chẳng làm chi hết. Ôi! Cứu Chúa yêu dấu của tôi đã đổ mồ hôi giống như huyết vì có những linh hồn khôn cực! Tôi nóng nảy ước ao có lòng thương xót đối với họ. Tôi còn cảm thấy mình ở trong một tâm trạng êm nhẹ, biết có lòng yêu thương cùng ân điển của Đức Chúa Trời, và đi ngủ trong tâm trạng ấy, tấm lòng chuyên chú vào cả Đức Chúa Trời”.

Chính là sự cầu nguyện đã khiến cho đời sống và chức vụ của Brainerd có quyền phép lạ lùng.

Những người cầu nguyện mạnh mẽ chính là những người có sứ mạng thiêng liêng. Lời cầu nguyện không bao giờ chết. Tất cả cuộc đời của Brainerd là một cuộc đời cầu nguyện. Ông cầu nguyện ngày và đêm. Ông cầu nguyện trước và sau khi giảng dạy. Ông cầu nguyện đang khi cỡi ngựa qua những khu rừng quanh hiu vô tận. Ông cầu nguyện trên giường làm bằng ổ rơm. Ông cầu nguyện khi ẩn dật trong những khu rừng rậm rạp, hiu quạnh. Giờ này qua giờ khác, ngày nọ đến ngày kia, lúc sáng sớm và khi đêm khuya, ông cứ cầu nguyện, kiêng ăn, dốc đổ linh hồn mình, cầu thay và thông công với Đức Chúa Trời. Ông ở với Đức Chúa Trời một cách mạnh mẽ. Bởi sự cầu nguyện, dầu chết ông vẫn còn nói và làm việc, lại sẽ nói và làm việc cho đến lúc tận thế; giữa những người vinh hiển trong ngày vinh hiển đó, ông sẽ đứng chung với các bậc quân quân.

Jonathan Edwards nói về Brainerd rằng: “Đời sống của ông chỉ tỏ con đường chánh đáng đưa đến thành công trong các công việc của chức vụ Mục Sư. Ông tìm kiếm sự thành công, cũng như người lính tìm sự đắc thắng trong một cuộc vây hãm hoặc một cuộc giao tranh; hoặc như một người dự cuộc chạy đua để chiếm giải thưởng lớn. Được kích thích bởi lòng yêu thương đối với Đấng Christ và linh hồn người ta, ông đã làm việc thế nào? Luôn luôn sốt sắng. Chẳng những bằng lời nói và lễ Đạo ở nơi công cộng và ở nơi phòng riêng, song cũng bằng lời cầu nguyện ngày và đêm. Ông chiến đấu với Đức Chúa Trời trong nơi kín nhiệm; ông “lấy sự thờ than không thể nói ra được” (Rô-ma 8:26), và “chịu con quạu thất cho đến chừng nào Christ thành hình” trong những kẻ mà Chúa sai ông đến với họ (Ga-la-ti 4:19). Như một con trai thật của Gia-cốp, ông cứ bèn đổ chiến đấu suốt đêm khuya tăm tối cho đến lúc hừng đông”.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI

CẦN PHẢI DỰ BỊ TẮM LÒNG

Vì chỉ có cái gì từ lòng ta mà ra mới thấu tới lòng kẻ khác được; và cũng chỉ có cái gì từ một lương tâm sống mà ra mới đâm vào lương tâm được.

- WILKIAM

Buổi sáng, tôi thường lo sửa soạn đầu óc hơn sửa soạn tâm lòng. Tôi thường bị làm lẫn như vậy, và tôi luôn luôn cảm thấy tai hại do đó mà ra, nhất là đối với sự cầu nguyện. Vậy, lạy Chúa! Xin hãy biến cải tình trạng này. Xin hãy mở rộng lòng tôi thì tôi giảng Đạo được.

- ROBERT MURRAY McCHEYNE

Một bài giảng có nhiều đầu óc hơn là tắm lòng “pha” vào đó, thì sẽ không có hiệu lực thấu vào tinh giả.

- ROBERT CECIL

SỰ cầu nguyện có nhiều sức mạnh, và những sức mạnh ấy có nhiều mặt, nên giúp cho môi miệng bày tỏ lẽ thật một cách đầy đủ và tự do. Chúng ta phải cầu nguyện cho ông Truyền Đạo được đào tạo bởi sự cầu nguyện. Phải cầu nguyện cho môi miệng ông Truyền Đạo: Môi miệng ông phải được sự cầu nguyện mở ra và làm đầy. Môi miệng thánh khiết được tạo nên bởi sự cầu nguyện, bởi nhiều sự cầu nguyện. Môi miệng bạo dạn được tạo nên bởi sự cầu nguyện, bởi nhiều sự cầu nguyện. Hội Thánh thế gian, Đức Chúa Trời và Thiên Đàng đã “chịu ơn” môi miệng Phao-lô rất nhiều; còn môi miệng Phao-lô có quyền lực là nhờ sự cầu nguyện.

Đối với ông Truyền Đạo, sự cầu nguyện có lắm công dụng, lại vô giới hạn, quý giá, ích lợi cho nhiều phương diện, ở nhiều điểm, và bằng mọi cách. Một giá trị lớn lao ấy là nó giúp đỡ tắm lòng ông Truyền Đạo.

Sự cầu nguyện làm cho ông Truyền Đạo thành ra một ông Truyền Đạo bằng tấm lòng. Sự cầu nguyện đặt tấm lòng ông vào bài giảng của ông, và đặt bài giảng của ông Truyền Đạo vào tấm lòng của ông.

Tấm lòng tạo nên ông Truyền Đạo. Những người có tấm lòng vĩ đại sẽ là những nhà Truyền Đạo vĩ đại. Những người có tấm lòng xấu xa cũng có thể làm thiện một phần nào, song hiếm lắm. Kẻ chần chừ và người lạ có thể giúp đỡ chiên một vài phương diện, nhưng người chần hiên lành mới có thể ban phước cho chiên và làm đầy đủ nhiệm vụ của người chần.

Chúng ta đã nhấn mạnh vào sự sửa soạn bài giảng đến nỗi không còn thấy điều quan trọng cần phải sửa soạn, - tức là tấm lòng. Một tấm lòng được sửa soạn còn tốt hơn bội phần một bài giảng được sửa soạn. Một tấm lòng được sửa soạn sẽ tạo nên một bài giảng được sửa soạn.

Người ta đã viết hàng bao nhiêu sách giải luận nghệ thuật và thanh vị của sự làm bài giảng, cho đến chừng chúng ta bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng cái giàn của thợ xây nhà này chính là tòa nhà. Người ta đã dạy ông Truyền Đạo trẻ tuổi phải dốc đổ hết sức lực vào hình thức, thanh vị và hoa mỹ của bài giảng mình, thì chẳng khác gì một tác phẩm máy móc, trí tuệ. Do đó, chúng ta đã vun trồng một sở trường hư tẻ giữa vòng tín đồ, và làm phát ra tiếng la ó đòi tài năng thay cho ân điển, hùng biện thay cho tin kính, lý luận thay cho khai thị, danh tiếng và xuất sắc thay cho thánh khiết. Do đó, chúng ta mất ý niệm chánh đáng về sự giảng dạy, mất quyền phép để giảng dạy, mất sức mạnh mẽ thuyết phục tội lỗi, mất sự từng trải phong phú và tâm tánh cao siêu của tín đồ Đáng Christ, mất quyền thế đối với lương tâm và đời sống kẻ khác, tức là quyền thế luôn luôn phát xuất từ sự giảng dạy chơn chánh.

Nói rằng các ông Truyền Đạo học nhiều quá, thì không đúng đâu! Có một vài ông không học chi hết; mấy ông khác lại không học đủ. Rất nhiều ông Truyền Đạo không học biết phương pháp thích đáng để tỏ ra mình là những “người làm công được đẹp lòng Đức Chúa Trời” (II Ti-mô-thê 2:15). Nhưng sự thiếu thốn lớn của chúng ta không phải là ở vun trồng đầu óc, mà là ở vun trồng tấm lòng.

Khuyết điểm đáng buồn và quan trọng của chúng ta không phải là ở chỗ thiếu trí óc, mà là ở chỗ thiếu thánh khiết. Không phải là chúng ta biết nhiều quá, mà là vì chúng ta suy giảm về Đức Chúa Trời và Lời Ngài, cùng thức canh, kiêng ăn cầu nguyện không đủ. Tâm lòng là trở lực lớn cho sự giảng dạy của chúng ta. Các lời chứa đầy chơn lý của Đức Chúa Trời thấy trong lòng ta có những vật “không dẫn điện”; nó bị giữ lại, nên rơi xuống, bị chặt xén, chẳng còn quyền phép gì.

Những kẻ đầy dục vọng, ham thích lời ngợi khen và địa vị có thể giảng Tin Lành của Đấng “tự làm cho mình trống không, lấy hình tôi tớ” chẳng? (Phi-líp 2:7). Những kẻ kiêu ngạo, hay khoe khoang và tự phụ có thể rao truyền Tin Lành của Đấng vốn “có lòng nhu mì và khiêm nhường” chẳng? (Ma-thi-ơ 11:29). Người có tánh khí xấu xa nóng nảy, ích kỷ và ham mến thế gian có thể giảng đạo đầy dẫy sự nhịn nhục, từ bỏ mình, từ ái, tuyệt đối đòi ta phân rẽ khỏi thế gian và chịu đóng đinh vào Thập Tự Giá đối với thế gian chẳng? Chức vị làm thuê, có tâm hồn chết, làm việc tặc trách, có thể giảng Tin Lành đòi hỏi người chẵn phải “vì chiên mình mà bỏ sự sống mình” chẳng? (Giăng 10:11). Người tham lam chỉ tính lương và tiền, thì có thể giảng Tin Lành cho đến khi dóc đồ hết lòng mình và nói được theo tinh thần của Đấng Christ và của Phaolô, như Wesley đã nói: “Tôi kể nó là rác rến, tôi giày xéo trên nó. Tôi (nhưng không phải tôi, mà là ân điển của Đức Chúa Trời ở trong tôi) coi nó chỉ như bùn ngoài đường, tôi không mong ước nó, tôi không tìm kiếm nó” chẳng?

Sự khai thị của Đức Chúa Trời không cần đến ánh sáng của thiên tài loài người, hoặc “lớp sơn” và sức mạnh của văn hóa loài người, hoặc sự chói sáng của tư tưởng họ, hoặc sức mạnh của trí óc họ để tô điểm hay là tăng cường nó. Nhưng nó đòi hỏi sự giản dị, dễ dạy, khiêm nhường và đức tin của tấm lòng con trẻ. Phaolô nên bậc quán quân trong vòng các Sứ Đồ chính là vì trí tuệ và thiên tài của ông phục tùng và phụ thuộc sức mạnh thiêng liêng của Đức Chúa Trời như vậy. Chính điều kiện ấy đã cho Wesley có quyền phép và khiến công nghiệp của ông chói lọi trong lịch sử loài người. Cũng chính điều kiện ấy đã cho Loyola có sức mạnh để ngăn cản các lực lượng của kẻ thù Tin Lành.

Sự nhu cầu lớn lao của chúng ta là sửa soạn tấm lòng. Ông Luther coi đó là một sự thực hiển nhiên (axiome). Ông nói rằng: “Người nào cầu nguyện hoàn hảo, thì cũng đã nghiên cứu hoàn hảo”. Chúng tôi không nói rằng người ta chẳng nên suy nghĩ dùng trí tuệ của họ; nhưng ai vun trồng tấm lòng của mình nhiều hơn hết, thì sẽ dùng trí tuệ của mình tốt hơn hết. Chúng tôi không nói rằng các ông Truyền Đạo không nên học rộng; nhưng chúng tôi nói mạnh mẽ rằng họ phải học Kinh Thánh rất rộng. Vả, người nào chuyên cần gìn giữ lòng mình thì sẽ nghiên cứu Kinh Thánh hoàn hảo hơn hết. Chúng tôi không nói rằng ông Truyền Đạo không cần hiểu biết người ta, nhưng ai đã dò thấu bề sâu và các ngõ phức tạp của lòng mình, thì sẽ thông hiểu bản tánh loài người nhiều hơn. Chúng tôi nói mạnh mẽ rằng dầu dòng sông của sự truyền đạo là trí óc, nhưng nguồn của nó lại là tấm lòng. Anh em có thể khơi rộng và khơi sâu dòng sông, nhưng nếu không chăm lo đến sự trong trẻo và bề sâu của nguồn, thì dòng sông chỉ sẽ khô cạn hoặc dơ bẩn. Chúng tôi nói mạnh mẽ rằng hầu hết những người có trí khôn bình thường đều có lương tri đủ để rao giảng Tin Lành, nhưng rất ít người có đủ ân điển để rao giảng Tin Lành. Chúng tôi nói mạnh mẽ rằng người nào đã giao chiến với chính lòng mình và thắng được nó, đã dạy nó sự khiêm nhường, đức tin, yêu thương, thành thực, thương xót, thiện cảm và can đảm, người nào có thể bóc đổ kho báu của tấm lòng đã được huấn luyện như vậy qua một trí tuệ thành nhơn, và có quyền phép trọng đại của Tin Lành trên lương tâm thánh giả, thì người ấy sẽ là nhà Truyền Đạo trung tín hơn hết và thành công hơn hết trước mặt Chúa.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA

ÂN ĐIỂN DO TẮM LÒNG, CHỚ KHÔNG DO ĐẦU ÓC

Chớ chuyên tâm để trở nên một nhà Truyền Đạo kỳ tài. Các vách thành Giê-ri-cô đã sụp đổ vì có những “cây kèn tiếng vang” (Giô-suê 6:8). Chỉ hãy ngửa trông Đức Chúa Jêsus để được linh lương mà giảng dạy. Như vậy, cái gì anh em cần thì Ngài sẽ ban cho, và cái gì Ngài ban cho thì sẽ có phước, dầu là một hột lúa mạch, hay một cái bánh lúa mì, dầu là cái cùi bánh mì hay một miếng bánh vụn cũng vậy. Mọi miệng anh em sẽ là một dòng nước tràn trề hoặc một mạch nước bịt kín tùy theo tâm trạng của mình. Khi giảng dạy, trò chuyện, hoặc viết sách, hãy cố tránh mọi sự cãi lầy. Hãy chỉ giảng dạy để hạ ma quỷ xuống và tôn Đức Chúa Jêsus lên.

- BERRIDGE

TẮM lòng là kẻ cứu thế gian, đầu óc chẳng cứu ai hết. Thiên tài, trí óc, sự xuất sắc, sức mạnh, thiên bẩm chẳng cứu ai hết. Tin Lành tràn qua các tấm lòng. Hết thấy sức lực mạnh mẽ hơn hết chính là sức lực của tấm lòng. Những tấm lòng cao cả tạo nên những tánh tình cao cả và những tánh tình Thiên Thượng.

Đức Chúa Trời là sự yêu thương. Không có gì lớn hơn sự yêu thương, hoặc lớn hơn Đức Chúa Trời. Tấm lòng tạo nên Thiên Đàng; Thiên Đàng là sự yêu thương. Không có gì cao xa hơn và êm dịu hơn Thiên Đàng. Chính tấm lòng đã tạo nên những nhà Truyền Đạo đại danh của Đức Chúa Trời, chớ không phải là đầu óc đâu. Trong tôn giáo, tấm lòng có giá trị lớn theo mọi phương diện. Tấm lòng phải nói ở tòa giảng. Tấm lòng phải nghe ở hàng ghế. Quả thật, chúng ta hầu việc Đức Chúa Trời bằng tấm lòng mình. Trên Thiên Đàng, không có phong trào tôn sùng đầu óc.

Chúng tôi tin rằng một điều làm lỗi nghiêm trọng và thông thường hơn hết của giới Truyền Đạo ngày nay chính là đề nhiều ý tưởng

hơn cầu nguyện và nhiều đầu óc hơn tấm lòng vào các bài giảng. Tấm lòng vĩ đại tạo nên các ông Truyền Đạo vĩ đại; tấm lòng tốt tạo nên các ông Truyền Đạo tốt. Một trường Thần Đạo chuyên mở rộng và tài bồi tấm lòng, - đó là nguyện vọng tha thiết của Tin Lành. Ông Mục Sư ràng buộc tín đồ vào mình và cai trị họ bởi tấm lòng ông. Có lẽ họ ngưỡng mộ các phú bẩm thiên nhiên của ông, có lẽ họ lấy tài năng của ông làm kiêu hãnh, và có lẽ họ chịu cảm động giây lát vì bài giảng của ông; nhưng thành lũy quyền phép của ông là chính lòng ông. Cây phủ việt của ông chính là sự yêu thương. Ngôi quyền phép của ông chính là lòng ông.

Người chăn nhơn lành phó sự sống mình vì bầy chiên. Đầu óc không bao giờ tạo nên các Thánh tử Đạo. Chính là tấm lòng phó dâng đời sống mình cho sự yêu thương và trung tín. Phải có can đảm lớn mới làm một ông Mục Sư trung tín được, chỉ có tấm lòng mới cung cấp sự can đảm ấy được. Phú bẩm và thiên tài có thể can đảm, nhưng phải là phú bẩm và thiên tài của tấm lòng, chứ không phải của đầu óc.

Làm đầy đầy đầu óc còn dễ hơn dự bị tấm lòng. Soạn bài giảng bằng óc còn dễ hơn soạn bài giảng bằng lòng. Chính là tấm lòng sẽ kéo người ta lên Thiên Đàng. Thế gian cần đến những người có lòng để cảm thương sự khốn nạn của họ, để hôn họ và đuổi tan nỗi đau buồn, và để làm dịu bớt sự thương khó của họ. Một cách tuyệt diệu, Đấng Christ là Người thương khó, vì một cách tuyệt diệu Ngài là Người có lòng.

Đức Chúa Trời đòi hỏi loài người rằng: “Hãy hiến lòng ngươi cho Ta!” Loài người đòi hỏi loài người rằng: “Hãy hiến lòng anh cho tôi!”

Một chức vụ Mục Sư nhà nghề là một chức vụ Mục Sư không có tấm lòng chi hết. Khi lương bổng đóng một vai trò quan trọng trong chức vụ Mục Sư, thì tấm lòng chỉ đóng một vai nhỏ mọn. Chúng ta có thể lấy giảng dạy làm công việc mưu sanh, và không để tấm lòng vào công việc ấy. Trong sự giảng dạy, nếu ai để bồn ngã ở hàng đầu, thì sẽ để tấm lòng ở hàng cuối. Người nào không gieo tấm lòng trong phòng riêng, thì sẽ không bao giờ gặt mùa màng cho Đức Chúa Trời. Phòng riêng cầu nguyện chính là văn phòng của tấm lòng. Trong phòng riêng cầu nguyện, chúng ta sẽ

học biết cách giảng và điều phải giảng nhiều hơn là trong các tho việu.

“Đức Chúa Jêsus khóc” (Giăng 11:35) là câu ngắn nhứt và lớn nhứt trong Kinh Thánh. Người nào vừa khóc (chớ không phải giảng bài hùng hồn) vừa gieo giống quý báu, thì sẽ trở về vui vẻ, đem theo nhiều bó lúa (Thi Thiên 126:6).

Sự cầu nguyện ban lương tri khôn ngoan, mở mang và thêm sức cho trí óc. Đối với ông Truyền Đạo, phòng riêng cầu nguyện là giáo sư và trường học hoàn toàn. Tư tưởng chẳng những được sáng láng và rõ ràng trong sự cầu nguyện, nhưng còn phát sanh trong sự cầu nguyện nữa. Khi ta thật cầu nguyện, thì có thể học trong một giờ cầu nguyện hơn là trong nhiều giờ ở văn phòng. Trong phòng riêng cầu nguyện, chúng ta thấy và đọc những sách mà ta không thể thấy và đọc ở nơi nào khác. Những sự khai thị được ban cho trong phòng riêng cầu nguyện, chớ không ở một nơi nào khác.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN

SỰ XỨC DẦU LÀ CẦN THIẾT

Một ơn phước sáng láng mà sự cầu nguyện riêng đem xuống cho chức vụ Mục Sư, chính là một cái gì khôn tả và không bắt chước được, - Ấy là sự xúc dầu từ nơi Đấng Thánh... Nếu sự xúc dầu mà chúng ta có đây không do nơi Đức Giê-hô-va vạn quân mà đến, thì ta là kẻ lừa gạt mà thôi; vì chúng ta nhờ cầu nguyện mới được xúc dầu từ nơi Đức Giê-hô-va vạn quân. Chúng ta hãy cứ khẩn nài một cách gấp rút, bền đỗ và sốt sắng cho đến khi được sương móc của Thiên Đàng thấm ướt.

- SPURGEON

ALEXANDER KNOK, một nhà triết học Tin Lành đương thời Wesley, không phải là môn đồ, nhưng là bạn hữu thân thiết của Wesley; ông rất có thiện cảm thiêng liêng với phong trào Wesley. Ông viết: “Thật kỳ lạ và đáng thương hại, nhưng tôi thật tin rằng ngoài vòng các tín đồ và các Mục Sư Hội Thánh Méthodiste, ở nước Anh không còn có sự giảng dạy hào hứng bao nhiêu. Nói một cách chung, giới Mục Sư đã tuyệt đối mất kỹ thuật giảng dạy. Tôi quan niệm rằng trong các công lệ lớn lao của thế giới đạo đức, có một thứ liên hiệp mâu nhiệm giữa giáo lý rao truyền đúng phép và các tình cảm sâu xa hơn hết của tâm trí loài người, chẳng khác gì những thân-hỏa-lực (affinités) trong ngành hóa học. Ở nơi nào giáo lý được phô bày đúng phép, thì tình cảm kia sẽ hưởng ứng. Nhưng đối với người giảng dạy, cảm giác sùng tín này là cần thiết, không có không được. Và, do sự quan sát riêng, tôi bắt buộc phải tuyên bố rằng ở nước Anh, ta thấy sự xúc dầu này ở trong một hội nghị bí mật của phái Méthodiste còn chắc hơn là trong một nhà thờ của giáo khu (Parish Church), điều này không còn nghi ngờ chi nữa. Duy có sự xúc dầu này dường như thật là yếu tố đẩy dẩy các gia đình tín đồ Méthodiste và làm cho các nhà thờ thưa vắng. Tôi thật nghĩ rằng mình không phải một tay nhiệt cuồng, tôi là một giáo hữu rất thành thực và tận tâm, là một môn đồ thấp thỏi của các ông Hale, Boyle, Burnet và Leighton. Bây giờ tôi phải thú nhận rằng hai năm trước khi ở xứ này, tôi không hề nghe một ông Truyền Đạo nào dạy tôi như một giáo sư đại danh, trừ ra những người được coi là phong trào Méthodiste. Và bây giờ tôi thất vọng, không thể kiếm được một chút dạy dỗ tự đáy lòng ở nơi nào khác. Các ông Truyền Đạo Méthodistes (tuy nhiên, tôi không thể luôn luôn tán thành tất cả lời lẽ của họ) chắc chắn truyền bá tôn giáo chơn chánh và thuần khiết này. Chúa Nhật vừa rồi, tôi thấy thật vui thích. Tôi có thể làm chứng rằng ông Truyền Đạo tích cực nói những lời chơn thật và tiết độ. Không có hùng biện đầu - con người thật thà, không hề mơ tưởng một điều như vậy, - nhưng còn có điều tốt gấp bội: Một sự thông cảm trong tâm hồn do chơn lý sanh-động-hóa. Tôi nói *“sanh-động-hóa vì ta không thể không cảm biết rằng ông đã sống bằng chính cái điều mình tuyên bố cho kẻ khác”*.

Sự xúc dầu này chính là ơn giảng dạy. Ông Truyền Đạo nào không có sự xúc dầu này thì chẳng hề có ơn giảng dạy. Ông Truyền Đạo nào đã mất sự xúc dầu này, thì cũng mất luôn ơn giảng dạy. Bất cứ ông có và giữ được kỹ thuật nào khác: Kỹ thuật làm bài giảng, kỹ thuật hùng biện, kỹ thuật suy nghĩ cao siêu và rõ ràng, kỹ thuật làm vừa lòng thánh giả, mà ông không được sự xúc dầu thì ông cũng sẽ không có ơn giảng dạy Thiên Thượng. Sự xúc dầu này làm cho lẽ thật của Đức Chúa Trời có quyền năng và phấn khích, bắt phục, gây dựng, cáo trách tội lỗi và cứu vớt người ta (1).

Sự xúc dầu này sanh-động-hóa chơn lý mà Đức Chúa Trời khai thị, làm cho nó sống và truyền được sự sống. Cả đến chơn lý của Đức Chúa Trời mà giảng ra không có sự xúc dầu này, thì cũng chỉ yếu nhẹ, chết và làm cho chết. Dầu đầy đầy chơn lý, dầu có tư tưởng mạnh mẽ, dầu có biện bác chói lọi, dầu có lý luận sâu sắc, dầu có sự sốt sắng hăng hái, nhưng nếu không có sự xúc dầu Thiên Thượng này, thì kết quả sẽ là sự chết, chứ không phải là sự sống đâu. Ông Spurgeon nói rằng: *“Tôi tự hỏi chúng ta phải đào óc bao lâu rồi mới có thể nói sự giảng dạy có xúc dầu kèm theo, nghĩa là gì?”* Người giảng dạy biết mình có sự xúc dầu hay không; còn người nghe thì nhận thấy thiếu xúc dầu hay không. Thành Sa-ma-ri bị nạn đói làm hình bóng về một bài giảng không có sự xúc dầu. Thành Giê-ru-sa-lem với tiệc mập béo và đầy tùy, có thể làm hình bóng về một bài giảng có sự xúc dầu dư dật. Ai cũng biết sự tươi mát ban mai là thế nào khi những viên ngọc của phía đông (chỉ về những giọt sương buổi sáng) lấp lánh trên mỗi một ngọn cỏ; nhưng ai có thể mô tả nó hoặc tạo nên nó? Đó là lẽ mầu nhiệm về sự xúc dầu thiêng liêng. Chúng ta biết, nhưng không thể nói cho kẻ khác biết là gì. Giả mạo sự xúc dầu ấy dễ dàng chừng nào, thì cũng điên dại chừng ấy. Sự xúc dầu là một điều mà anh em không thể nào chế tạo; giả mạo nó thì chẳng có giá trị chi hết. Nhưng nếu anh em muốn gây dựng cho tín đồ và dắt đem tội nhơn đến cùng Đấng Christ, thì chính sự xúc dầu quý giá và cần thiết vô cùng.

(1) Nguyên văn: *“Sự xúc dầu này làm cho lẽ thật của Đức Chúa Trời có quyền năng và hào hứng, lôi cuốn, gây dựng, buộc tội và cứu vớt người ta”*.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM

SỰ XỨC DẦU LÀ ĐẶC SẮC CỦA CHÚC VỤ

Hãy vì cõi đời đời mà nói. Trên hết mọi sự, hãy tài bồi chính tâm linh mình. Một lời anh em nói khi lương tâm trong sạch và lòng đầy đầy Thánh Linh của Đức Chúa Trời thì có giá trị bằng mười ngàn lời nói khi có sự không tin và vướng mắc tội lỗi. Hãy nhớ rằng Đức Chúa Trời phải được vinh hiển, chớ không phải loài người đâu. Nếu bức màn của “máy móc” trần gian bị cất đi, thì chúng ta sẽ thấy biết bao công việc đã thực hiện để đáp lại những lời cầu nguyện của con cái Đức Chúa Trời.

- ROBERT MURRAY McCHYNE

SỰ xúc dầu là một yếu tố không giải thích được. Một vị Truyền Đạo trứ danh người Tô-cách-lan đã mô tả như thế này: “Trong sự giảng dạy, thỉnh thoảng có một cái gì mà ta không thể gán cho đề tài hoặc ngôn ngữ, không thể mô tả là gì, không thể nói nó từ đâu đến; nhưng một cách dịu dàng mà hùng mạnh, nó đâm thấu tâm lòng cùng tình cảm và trực tiếp từ Chúa mà đến. Phương pháp nhận được cái đó chính bởi tâm trạng Thiên Thượng của người giảng dạy”.

Chúng ta gọi cái đó là sự xúc dầu. Chính sự xúc dầu này làm cho Lời Đức Chúa Trời hóa ra “sống, linh động, sắc hơn gươm hai lưỡi, đâm thấu đến nỗi chia hồn, linh, khớp, tủy, biện biệt tư tưởng và ý định của lòng.” (Hê-bơ-rơ 4:12). Chính sự xúc dầu này làm cho lời của ông Truyền Đạo hóa ra bén nhọn, có quyền phép, và khiến nhiều hội chúng đang chết chịu kích thích mà chuyển động.

Những chơn lý ấy đã được truyền lại rất đúng từng chữ, từng tiếng, và “dầu của loài người” đã làm cho trơn tru; nhưng chẳng có dấu hiệu sống và mạch chẳng đập nhảy chút nào, mọi sự lặng lẽ như mồ mã và sự chết. Đang khi ấy cũng ông Truyền Đạo ấy nhận được

phép Báp-tem của sự xúc dầu này và linh cảm Thiên Thượng ở trên ông, thì quyền phép màu nhiệm đó làm cho Lời Kinh Thánh hóa ra đẹp đẽ và bùng cháy, rồi sự sống bắt đầu đập nhảy, - sự sống nhận ơn Đức Chúa Trời, hoặc chống cự tội ác. Sự xúc dầu thấu suốt hoặc buộc tội lương tâm và làm cho tấm lòng tan vỡ.

Sự xúc dầu Thiên Thượng này là đặc điểm phân rẽ và phân biệt chức vụ rao giảng Tin Lành chọn chánh với mọi phương thức khác trình bày chọn lý. Đặc điểm này cũng tạo nên một cái vực thiêng liêng sâu rộng giữa ông Truyền Đạo được xúc dầu và ông Truyền Đạo không được xúc dầu. Sự xúc dầu ủng hộ và đâm thủng chọn lý khai thị bằng tất cả năng lực của Đức Chúa Trời. Sự xúc dầu chính là đặt Đức Chúa Trời vào trong chính Lời Ngài và trên chính người rao giảng Lời Ngài. Bởi sự cầu nguyện hùng mạnh có quyền năng và không dứt. Sự xúc dầu được ban một cách ần nhiên và đặc biệt cho ông Truyền Đạo. Sự xúc dầu soi dẫn và minh mẫn hóa trí tuệ ông, cho ông sự sáng suốt, sự hiểu biết và quyền năng để phản chiếu chọn lý. Sự xúc dầu cho ông Truyền Đạo quyền năng của tấm lòng vốn trội hơn quyền năng của trí óc; bởi sự xúc dầu, sự từ ái, trong sạch và sức mạnh sẽ từ tấm lòng tràn ra. Mở mang, tự do, tư tưởng dồi dào, nói ngay thẳng và đơn sơ. - Đó là kết quả do sự xúc dầu này.

Thương khi người ta lầm lẫn sự sốt sắng với sự xúc dầu này. Người nào có sự xúc dầu Thiên Thượng, thì sẽ sốt sắng đối với chính tánh chất thiêng liêng của sự vật, nhưng có thể có một mục sốt sắng lớn lao mà chẳng có sự xúc dầu chi hết.

Theo một vài phương diện, sự sốt sắng và sự xúc dầu giống nhau. Người ta có thể mau lẹ lầm lẫn sự sốt sắng với sự xúc dầu, hoặc dùng sự sốt sắng thay thế sự xúc dầu mà chẳng thấy như vậy. Cần có thị giác và vị giác thiêng liêng mới phân biệt được.

Sự sốt sắng có lẽ là thành thực, trang nghiêm, hăng hái và bền đỗ. Sự sốt sắng đem thiện chí làm một việc, bền đỗ theo đuổi nó, hăng hái thúc đẩy nó, và đem năng lực vào đó. Nhưng mọi năng lực này không vượt cao hơn nhơn lực. Con người ở trong đó, - tất cả con người với tất cả ý chí, tấm lòng, trí óc, thiên tài, toan định, công tác và giảng luận. Người đã nhắm vào một mục đích gì, mục đích ấy đã làm chủ người và người đeo đuổi để đạt tới mục đích; có thể

rằng Đức Chúa Trời chẳng có một phần nào trong đó; cũng có thể rằng Đức Chúa Trời chỉ có một phần rất nhỏ trong đó, vì con người đã chiếm phần rất lớn. Người có thể biện hộ cho mục đích sốt sắng của mình; lời biện hộ ấy làm vừa lòng, cảm động, kích thích và thuyết phục kẻ khác vì tánh cách quan trọng của nó. Nhưng trong tất cả sự sốt sắng này có lẽ chỉ có những đường lối trần gian, do nhơn lực thúc đẩy; bàn thờ của nó do bàn tay trần gian xây cất, và lửa của nó do lửa trần gian chụm lên.

Một nhà Truyền Đạo kia có danh tiếng và thiên bẩm rất khá, và đã sử dụng Kinh Thánh theo trí tưởng tượng hoặc mục đích riêng của mình; người ta bèn nói rằng ông “đã rất hùng hồn vì những sự giải thích của mình”. Vậy, có những người rất sốt sắng vì các kế hoạch hoặc phong trào của mình. Sự sốt sắng có thể là tánh vị kỷ trá hình.

Sự xúc dầu là gì? Nó là yếu tố không cất nghĩa được trong sự giảng dạy và làm cho sự giảng dạy có hiệu lực. Nó là yếu tố phân biệt và phân rẽ sự giảng dạy với mọi sự diễn thuyết suông của loài người. Ấy là yếu tố Thiên Thượng (của Đức Chúa Trời) trong sự giảng dạy. Nó làm cho sự giảng dạy hóa ra sắc bén cho những ai cần sắc bén. Nó thấm nhuần như sương móc cho những ai cần được tưới tĩn lại.

Sự xúc dầu này đến cùng ông Truyền Đạo không phải ở văn phòng, nhưng ở nơi cầu nguyện kín nhiệm. Ấy là Thiên Đàng thấm nhuần cho để đáp lại lời cầu nguyện. Ấy là Đức Thánh Linh tỏa ra thơm ngát hơn hết. Nó đậm thấm, bao phủ, làm êm nhẹ, lọc sạch, tia cắt và xoa dịu. Nó đem Lời Đức Chúa Trời đi như cốt mìn, như muối, như đường; nó làm cho Lời Đức Chúa Trời thành ra như một người yên ủi, buộc tội, bày tỏ và dò xét; nó làm cho thánh giả vốn là một tội nhơn trở nên thánh nhơn, khiến họ khóc như con trẻ và sống như đồng sĩ; mở lòng họ và túi tiền họ một cách nhẹ nhàng, song cũng mạnh mẽ như mùa Xuân làm lá non trở vậy. Sự xúc dầu này không phải là phú bẩm của thiên tài. Ta không tìm thấy nó ở lâu đài của trí thức. Không tài hùng biện nào có thể chinh phục nó. Không sự siêng năng nào có thể chiếm lấy nó. Không bàn tay của vị thủ lãnh Giáo Hội nào có thể ban phát nó. Ấy là ân tứ của Đức Chúa Trời, là ấn đóng vào các sứ giả của Ngài. Nó là chức hiệp sĩ của Thiên Đàng ban cho những kẻ trung thành, can đảm đã được tuyển lựa và đã tìm kiếm sự xúc dầu vinh diệu này qua bao nhiêu

giờ đổ nước mắt mà chiến đấu cầu nguyện.

Sự sốt sắng là tốt lành và cảm động; thiên tài là quý giá và cao trọng; tư tưởng khuyến khích và soi dẫn; Nhưng phải có một sự phú bẩm Thiên Thương hơn, một năng lực mạnh mẽ hơn sự sốt sắng, hoặc thiên tài, hoặc tư tưởng, thì mới đập tan được xiềng xích của tội lỗi, mới chinh phục được những tấm lòng xa cách và hư hoại trở về cùng Đức Chúa Trời, chữa được những chỗ nứt rạn và phục hồi được Hội Thánh vào địa vị thánh khiết và quyền năng ngày xưa. Trừ sự xúc dầu thánh ra, không chi làm được việc này.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU

CẦU NGUYỆN NHIỀU LÀ GIÁ PHẢI TRẢ ĐỂ ĐƯỢC XÚC DẦU

Nếu ông Mục Sư không được xúc dầu thì tất cả cố gắng của ông chỉ là hư không, hoặc còn tệ hại hơn sự hư không nữa. Sự xúc dầu phải giáng xuống từ trên trời, và rải một mùi vị, một cảm giác, một hứng thú trên chức vụ của ông; và trong số những phương pháp khác giúp cho ông có đủ tư cách thi hành chức vụ. Kinh Thánh phải đứng hàng đầu, và hàng chót cũng phải dành cho Lời của Đức chúa Trời và sự cầu nguyện.

- RICHARD CECIL

TRONG chế độ Tin Lành, sự xúc dầu tức là xúc dầu bằng Đức Thánh Linh để biệt riêng ra cho công việc Đức Chúa Trời, và ban cho đủ tư cách để làm công việc ấy. Sự xúc dầu này là ân tứ duy nhất của Đức Chúa Trời, do đó ông Truyền Đạo đạt tới mục đích đặc biệt của sự giảng dạy, là cứu rỗi linh hồn người ta. Không có sự xúc dầu này, thì không có những kết quả thiêng liêng thật; các kết quả và sức mạnh trong sự giảng dạy không vượt lên trên các kết quả do sự diễn thuyết phàm tục (chưa nên thánh). Không có sự xúc dầu, thì diễn đàn trần gian cũng có sức mạnh bằng tòa giảng Tin Lành vậy.

Sự xúc dầu Thiên Thượng trên ông Truyền Đạo này do Lời Đức Chúa Trời mà sanh ra những kết quả thiêng liêng phát xuất từ Tin Lành; không có sự xúc dầu này, thì không thể nào có những kết quả ấy. Có thể tạo nên những ấn tượng thú vị, nhưng hết thảy những ấn tượng đó còn kém hơn mục đích rao giảng Tin Lành. Có thể giả tạo sự xúc dầu này; có nhiều điều trông thấy giống như nó, và có nhiều hiệu quả giống như hiệu quả của nó, nhưng thật ra thì chẳng ăn chung chi với những hiệu quả và tánh chất của nó.